



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ ĐÈ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TẬP HUẤN VIÊN CẤP TỈNH
VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

HÀ NỘI, 2023



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN
CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TẬP HUẤN VIÊN CẤP TỈNH
VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

HÀ NỘI, 2023

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN I. TỔNG QUAN TÀI LIỆU	3
1. Cơ sở pháp lý xây dựng tài liệu.....	3
2. Mục đích của tài liệu	3
3. Đối tượng và phạm vi sử dụng tài liệu	3
4. Nguyên tắc sử dụng tài liệu	3
PHẦN II. TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG	4
I. KHUNG NỘI DUNG TẬP HUẤN	4
1. Mục đích:	4
2. Nội dung:	4
3. Nội dung chuyên đề:	4
3.1. <i>Chuyên đề 1: Tổng quan về thiên tai, các kiến thức cơ bản về thiên tai (theo phân vùng thiên tai)</i>	4
3.2. <i>Chuyên đề 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng</i>	5
3.3. <i>Chuyên đề 3: Giới thiệu hệ thống pháp luật, thể chế chính sách, chiến lược, chương trình, Đề án trong PCTT tại Việt Nam</i>	7
3.4. <i>Chuyên đề 4: Hướng dẫn tổ chức, thực hiện một số hoạt động cơ bản trong phòng chống thiên tai</i>	8
3.5. <i>Chuyên đề 5: Kiểm soát an toàn thiên tai</i>	9
3.6. <i>Chuyên đề 6: Thông tin truyền thông trong PCTT</i>	9
3.7. <i>Chuyên đề 7: Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PCTT</i>	9
3.8. <i>Chuyên đề 8: Hợp tác quốc tế trong PCTT</i>	9
II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG TẬP HUẤN THEO ĐỐI TƯỢNG	10
1. Xác định đối tượng tập huấn (cho giảng viên cấp tỉnh)	10
2. Nội dung tập huấn theo đối tượng	11
III. CÁC BƯỚC TỔ CHỨC TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PCTT	35
1. Các giai đoạn của hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức PCTT:.....	35
2. Nội dung các bước xây dựng và tổ chức tập huấn:	35
PHẦN III. CÁC PHỤ LỤC	48

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), tình hình thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp, cực đoan và bất thường, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân.

Theo Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020, công tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (RRTT DVCD) được xác định là một trong những giải pháp quan trọng trong phòng chống thiên tai (PCTT), trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, các tổ chức và cá nhân chủ động, cộng đồng giúp đỡ nhau. Vì vậy, nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã và đang là hoạt động thiết thực, mang lại hiệu quả cao trong công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Thực hiện Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, biên soạn cuốn ***Tài liệu tập huấn cho đội ngũ giảng viên, tập huấn viên cấp tỉnh về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*** nhằm mục tiêu thống nhất khung chương trình và nội dung tập huấn cho đội ngũ giảng viên cấp tỉnh để triển khai hiệu quả công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BCĐ	Ban chỉ đạo
BCH	Ban chỉ huy
CSVC	Cơ sở vật chất
DBTT	Dễ bị tổn thương
HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật
HV	Học viên
GV, THV	Giảng viên, tập huấn viên
PCTT	Phòng, chống thiên tai
RRTT	Rủi ro thiên tai
QLRRTT	Quản lý rủi ro thiên tai
RRTTDVCD	Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
QLRRTTDVCD	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
LLXK	Lực lượng xung kích
KTXH	Kinh tế - xã hội
NTM	Nông thôn mới
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn

PHẦN I. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1. Cơ sở pháp lý xây dựng tài liệu

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 6/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030”;

- Quyết định số 333/QĐ-BNN-PCTT ngày 20/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” giai đoạn 2021-2025.

2. Mục đích của tài liệu

Xây dựng khung chương trình và nội dung tập huấn cho đội ngũ giảng viên cấp tỉnh triển khai công tác tập huấn, bồi dưỡng về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3. Đối tượng và phạm vi sử dụng tài liệu

3.1. Đối tượng

- Đội ngũ giảng viên cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Đề án 553 tại địa phương;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3.2. Phạm vi

Tài liệu hỗ trợ xây dựng và triển khai hoạt động đào tạo, tập huấn, truyền thông theo kế hoạch thực hiện Đề án 553 và các chương trình, dự án liên quan trên toàn quốc.

4. Nguyên tắc sử dụng tài liệu

- Trên cơ sở nội dung hướng dẫn của cuốn tài liệu này, giảng viên cấp tỉnh sẽ triển khai thực hiện tập huấn, bồi dưỡng về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DCVĐ tại địa phương;

- Tài liệu này sẽ được dùng kết hợp với tài liệu hướng dẫn về tổ chức thực hiện Đề án và hướng dẫn quản lý RRTT DVCD dành cho cấp xã, phường và các tài liệu khác liên quan.

PHẦN II. TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG

I. KHUNG NỘI DUNG TẬP HUẤN

1. Mục đích

Thông nhất nội dung hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ giảng viên, tập huấn viên cấp tỉnh để triển khai tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông về quản lý RRTT DVCD và PCTT ở các địa phương.

2. Nội dung

Khung nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng gồm 08 chuyên đề:

- Chuyên đề 1: Tổng quan về thiên tai, các kiến thức cơ bản về thiên tai (theo phân vùng thiên tai)
- Chuyên đề 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
- Chuyên đề 3: Giới thiệu hệ thống pháp luật, thể chế chính sách, chiến lược, chương trình, Đề án trong PCTT tại Việt Nam
- Chuyên đề 4: Hướng dẫn tổ chức, thực hiện một số hoạt động cơ bản trong PCTT
- Chuyên đề 5: Kiểm soát an toàn thiên tai
- Chuyên đề 6: Thông tin truyền thông trong PCTT
- Chuyên đề 7: Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PCTT
- Chuyên đề 8: Hợp tác quốc tế trong PCTT

3. Nội dung chuyên đề

3.1. Chuyên đề 1: Tổng quan về thiên tai, các kiến thức cơ bản về thiên tai (theo phân vùng thiên tai).

- Tình hình và xu thế thiên tai thế giới và khu vực;
- Tình hình và xu thế thiên tai trong nước, địa phương, đặc biệt đối với các loại thiên tai điển hình;
- Phân vùng thiên tai;
- Thiệt hại do thiên tai trong khoảng 3-5 năm gần đây trên cả nước/tại địa phương (về con người, cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, môi trường,...) và hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của trung ương/địa

phương, doanh nghiệp,....;

- Kiến thức, kỹ năng phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

+ Hướng dẫn kỹ thuật, kỹ năng PCTT&TKCN (Chằng chống nhà cửa, neo đậu tàu thuyền, chuẩn bị nhu yếu phẩm, sơ cấp cứu, sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai cấp xã, phường, sơ họa bản đồ ứng phó thiên tai cấp xã, phường) với một số loại hình thiên tai điển hình tại địa phương (Bão, ATNĐ, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn....);

+ Nhận diện các loại hình thiên tai và những việc nên/không nên khi thiên tai xảy ra đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp,....;

+ Các hành động sớm cần triển khai thực hiện dựa trên các thông tin cảnh báo sớm từ các cơ quan chức năng và địa phương;

- Nhiệm vụ và giải pháp trong PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 (Giải pháp chung toàn quốc, theo từng vùng thiên tai và địa phương).

3.2. Chuyên đề 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

a. Quản lý RRTT DVCD và đánh giá RRTT DVCD:

- Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT DVCD, đến năm 2030”: Các kết quả thực hiện Đề án 1002, nội dung mới của Đề án 553, kết quả thực hiện Đề án 553 tại địa phương.

- Vai trò, mục đích, ý nghĩa của quản lý RRTT DVCD trong công tác phòng, chống thiên tai.

- Hướng dẫn quy trình và các bước quản lý RRTT DVCD và nội dung hoạt động từng bước tại cấp xã, phường phù hợp với đặc điểm thiên tai, văn hóa, KTXH của địa phương (quản lý RRTT DVCD và đánh giá RRTTDVCD).

- Hướng dẫn xây dựng nội dung, phương thức, kỹ năng tập huấn, tuyên truyền cho các đối tượng, đặc biệt đối tượng DBTT về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD.

- Bình đẳng giới, lồng ghép giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong PCTT, quản lý RRTT DVCD. Đối với hoà nhập đối tượng DBTT cần quan tâm đến các đối tượng:

+ Người cao tuổi: Làm rõ vai trò, nhu cầu của người cao tuổi trong giai đoạn phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, bao gồm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc xã hội và sinh kế trong quản lý RRTT DVCD. Đặc biệt quan tâm tới nhóm người cao tuổi có hoàn cảnh

đặc biệt khó khăn¹.

+ Người khuyết tật: Làm rõ khái niệm khuyết tật, rào cản, hoà nhập trong các hoạt động PCTT; Giải thích và cho các ví dụ sát với tình hình thực tế tại địa phương, đặc biệt là các ví dụ về rào cản.

+ Đối với phụ nữ mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi và người bệnh hiểm nghèo: Cần tập trung vào nhu cầu cần hỗ trợ để đảm bảo sức khoẻ, tâm lý khi thiên tai xảy ra.

+ Đối với người nghèo: Cần quan tâm đến nhu cầu hỗ trợ, đặc biệt giai đoạn khắc phục hậu quả sau thiên tai để người nghèo có thể nhanh chóng khôi phục sản xuất, sinh kế.

+ Đối với trẻ em: Làm rõ vai trò và nhu cầu hỗ trợ của trẻ em khi thiên tai xảy ra, trong đó có vai trò của gia đình, nhà trường và cộng đồng.

- Hướng dẫn huy động nguồn lực xã hội trong xây dựng nông thôn mới (NTM) đảm bảo an toàn trước thiên tai.

- Giới thiệu mô hình xã, thôn điển hình về quản lý RRTT DVCD gắn với NTM, phát triển sinh kế.

b. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án:

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án 553 tại địa phương (Cấp tỉnh, huyện, xã).

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD (Đề án 553).

- Hướng dẫn lồng ghép nội dung, hoạt động Đề án 553 vào tiêu chí 3.2: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án 553 (Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Đề án).

- Chia sẻ bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong thực hiện Đề án 553.

¹ Nhóm NCT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn sử dụng trong tài liệu bao gồm người cao tuổi là người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người không nơi nương tựa, người chăm cháu nhỏ hoặc thành viên gia đình ốm yếu không có hỗ trợ, người sống một mình hoặc chỉ sống với vợ/chồng cũng là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số

3.3. Chuyên đề 3: Giới thiệu hệ thống pháp luật, thể chế chính sách, chiến lược trong PCTT tại Việt Nam

3.3.1. Văn bản quy phạm pháp luật

a. Văn bản Luật:

- Luật PCTT, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật PCTT và Luật đề điều, những điểm mới trong Luật sửa đổi bổ sung.
- Các văn bản Luật có liên quan: Luật Người khuyết tật, Luật Người cao tuổi, Luật Bình đẳng giới,...

b. Các văn bản dưới Luật, hướng dẫn các nội dung sau:

- Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đề điều
- Quy định thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai
- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT các cấp
- Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai
- Quy định về cảnh báo, dự báo, truyền tin và cấp độ rủi ro thiên tai
- Quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai.
- Quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế để cứu trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai.
- Cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
- Một số văn bản về cơ chế, chính sách hỗ trợ trong PCTT có liên quan:
 - + Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
 - + Quy định về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

3.3.2. Các văn bản về chính sách, chiến lược của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTT:

- Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTT.
- Chiến lược quốc gia về PCTT.

Lưu ý:

- Tập chung nhấn mạnh các nội dung liên quan đến công tác PCTT tại địa phương, từng đối tượng.

- Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới nhất tính đến thời điểm tổ chức tập huấn.

3.4. Chuyên đề 4: Hướng dẫn tổ chức, thực hiện một số hoạt động cơ bản trong phòng chống thiên tai

Giới thiệu về các hoạt động trong giai đoạn phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai quy định trong Luật PCTT và hướng dẫn tổ chức, thực hiện. Gồm:

a. Giai đoạn phòng ngừa:

- Xây dựng kế hoạch PCTT có lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ;

- Xây dựng phương án ứng phó theo cấp độ RRTT có lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ;

- Lồng ghép nội dung PCTT trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KTXH;

- Tiêu chí về Đảm bảo yêu cầu chủ động về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ; Hướng dẫn huy động nguồn lực xã hội để PCTT và thích ứng BĐKH phục vụ xây dựng NTM bền vững;

- Hướng dẫn về tổ chức, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đội xung kích PCTT cấp xã;

- Hướng dẫn về quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng PCTT.

b. Giai đoạn ứng phó:

- Hướng dẫn ứng phó thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ và phương án ứng phó của địa phương đã phê duyệt;

- Công tác cứu hộ, cứu nạn;

- Hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu. Đặc biệt chú ý đến sơ cấp cứu cho đối tượng DBTT.

c. Giai đoạn khắc phục hậu quả:

- Hướng dẫn thu thập, tổng hợp thiệt hại và nhu cầu khắc phục hậu quả sau thiên tai;

- Hướng dẫn xử lý vệ sinh, môi trường sau thiên tai (Xử lý nước bị ô nhiễm nước uống và nước sinh hoạt theo hướng dẫn của Cục y tế dự phòng);

- Hướng dẫn về tiếp nhận hàng hoá viện trợ quốc tế về PCTT; vận động, tiếp nhận, phân phối các nguồn đóng góp tự nguyện khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

- Chia sẻ bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong

03 giai đoạn PCTT.

3.5. Chuyên đề 5: Kiểm soát an toàn thiên tai

- Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình PCTT;

- Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;
- Xử phạt vi phạm hành chính trong PCTT;
- Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh.

3.6. Chuyên đề 6: Thông tin truyền thông trong PCTT

- Các quy định về thông tin, truyền thông trong PCTT (quy định trong Luật PCTT và các văn bản QPPL, hướng dẫn liên quan);

- Phương thức, phương tiện và nội dung truyền thông trong PCTT phù hợp với các đối tượng, đặc biệt đối tượng DBTT;

- Giới thiệu tài liệu truyền thông, bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong tuyên truyền, truyền thông về PCTT.

3.7. Chuyên đề 7: Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PCTT

- Các khái niệm chung về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0, chuyển đổi số trong PCTT;

- Định hướng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong PCTT tại Việt Nam;

- Giới thiệu các ứng dụng KHCN trong PCTT tại khu vực, Việt Nam (Dự báo, cảnh báo thiên tai; các giải pháp công trình, vật liệu mới, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT,...);

- Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, các phần mềm, CSDL đã và đang ứng dụng trong PCTT;

- Giới thiệu một số hệ thống giám sát thiên tai cấp tỉnh và mô hình kết nối hệ thống, dữ liệu PCTT trong xây dựng thành phố thông minh, NTM thông minh tại Việt Nam;

- Hướng dẫn xây dựng văn phòng thường trực PCTT kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

3.8. Chuyên đề 8: Hợp tác quốc tế trong PCTT

- Các cam kết của Chính phủ Việt Nam trong PCTT, BDKH tại hiệp định song phương, đa phương quốc tế, khu vực và tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia (Sendai, Asean về PCTT, APEC,...);

- Giới thiệu về một số đối tác giảm nhẹ RRTT hiện đang hỗ trợ công tác PCTT tại Việt Nam (Tổ chức liên hợp quốc, tổ chức phi chính phủ quốc tế,...).

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG TẬP HUẤN THEO ĐỐI TƯỢNG

1. Xác định đối tượng tập huấn (cho giảng viên cấp tỉnh)

1.1. Mục đích của việc xác định đối tượng

Giúp cho giảng viên, tập huấn viên chuẩn bị nội dung chương trình, kế hoạch bài giảng, phương pháp tập huấn phù hợp, giúp cho khóa tập huấn đạt được mục tiêu đặt ra.

1.2. Đối tượng tập huấn của giảng viên cấp tỉnh

Tập chung vào 10 đối tượng chính và chia thành 02 nhóm, bao gồm:

a. Nhóm nâng cao năng lực quản lý:

- Cán bộ phụ trách công tác PCTT cấp tỉnh;
- Cán bộ Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện/xã;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường;
- Cán bộ quản lý trường học.

b. Nhóm nâng cao nhận thức, kỹ năng:

- Lực lượng xung kích cơ sở;
- Đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, cán bộ đài truyền thanh cấp xã, báo cáo viên, tuyên truyền viên;
- Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường;
- Doanh nghiệp;
- Hộ gia đình, người dân (bao gồm đối tượng DBTT);
- Các tổ chức xã hội;
- Đối tượng 4.

Ghi chú:

- *Đối tượng 4 được quy định tại Mục 4 của Hướng dẫn số 90/HD-HĐGDQPAN ngày 31 tháng 05 năm 2016 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương hướng dẫn danh mục đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh;*

- *Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường tham khảo tài liệu Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030"*

- Tổ chức xã hội trong tài liệu này gồm: tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

2. Nội dung tập huấn theo đối tượng

2.1. Mục đích

Nhằm đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng phục vụ cho nhiệm vụ của từng đối tượng trong các hoạt động PCTT, quản lý RRTT DVCD trong kế hoạch thực hiện Đề án và lồng ghép trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

2.2. Nguyên tắc

- Nội dung đảm bảo bám sát các chủ trương, chính sách, định hướng và các hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước về PCTT, quản lý RRTT DVCD và định hướng phát triển kinh tế xã hội bền vững của Nhà nước;

- Đáp ứng đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng về PCTT, quản lý RRTT DVCD đối với từng đối tượng nhằm đáp ứng yêu cầu trong xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Đề án và lồng ghép vào các hoạt động có liên quan tại địa phương.

2.3. Nội dung tập huấn theo từng đối tượng

a. Đối với nhóm đối tượng nâng cao năng lực quản lý:

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
I	Tổng quan về tình hình thiên tai và các hoạt động PCTT (Chuyên đề 1 – 07 nội dung)				
1	Tình hình và xu thế thiên tai khu vực, thế giới	X	X		
2	Tình hình và xu thế thiên tai trong nước, địa phương, đặc biệt đối với các loại thiên tai điển hình	X	X	X	X
3	Phân vùng thiên tai	X	X	X	X
4	Thiệt hại do thiên tai trong khoảng 3-5 năm gần đây trên cả nước/tại địa phương (về con người, cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, môi trường,...) và hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của trung ương/địa phương, doanh nghiệp,....	X	X	X	X
5	- Kiến thức, kỹ năng phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai: + Hướng dẫn kỹ thuật, kỹ năng PCTT&TKCN (Chàng chống nhà cửa, neo đậu tàu thuyền, chuẩn bị nhu yếu phẩm, sơ cấp cứu, sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai cấp xã, phường, sơ họa bản đồ ứng phó thiên tai cấp xã, phường) với một số loại hình thiên tai điển hình tại địa phương (Bão, ATNĐ, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn....);	X	X	X	X

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
	+ Nhận diện các loại hình thiên tai và những việc nên/không nên khi thiên tai xảy ra đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp,...; + Các hành động sớm cần triển khai thực hiện dựa trên các thông tin cảnh báo sớm từ các cơ quan chức năng và địa phương.				
6	Nhiệm vụ và giải pháp trong PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 (chung và theo từng vùng)	X	X	X	X
II	Nâng cao nhận thức cộng đồng và giảm nhẹ RRTT DVCĐ (Chuyên đề 2 – 13 nội dung)				
	<i>Quản lý RRTT DVCĐ và Đánh giá RRTT DVCĐ</i>				
1	Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT DVCĐ, đến năm 2030”		X	X	X
2	Vai trò, mục đích, ý nghĩa của quản lý RRTT DVCĐ	X	X	X	X
3	Các khái niệm liên quan về quản lý RRTT DVCĐ		X	X	X
4	Hướng dẫn quy trình và các bước quản lý RRTT DVCĐ và nội dung hoạt động từng bước tại cấp xã, phường phù hợp với đặc điểm thiên tai, văn hóa, KTXH của địa phương (quản lý RRTT DVCĐ và đánh giá RRTT DVCĐ)	X	X	X	

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
5	Hướng dẫn xây dựng nội dung, phương thức, kỹ năng tập huấn, tuyên truyền cho các đối tượng, đặc biệt đối tượng DBTT về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD	X	X	X	X
6	Bình đẳng giới, lồng ghép giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong PCTT, quản lý RRTT DVCD	X	X	X	X
7	Hướng dẫn huy động nguồn lực xã hội trong xây dựng nông thôn mới (NTM) đảm bảo an toàn trước thiên tai	X	X	X	
8	Giới thiệu mô hình xã, thôn điển hình về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng gắn với nông thôn mới, phát triển sinh kế	X	X	X	X
	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án</i>				
9	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án 553 tại địa phương (Cấp tỉnh, huyện, xã)	X	X	X	X
10	Hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD (Đề án 553)	X	X	X	X
11	Hướng dẫn lồng ghép nội dung, hoạt động Đề án 553 vào tiêu chí 3.2: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	X	X	X	

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
12	Hướng dẫn tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án 553 (Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Đề án)	X	X	X	
13	Chia sẻ bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong thực hiện Đề án 553	X	X	X	X
III	Giới thiệu hệ thống pháp luật, thể chế chính sách, chiến lược trong PCTT tại Việt Nam (<i>Chuyên đề 3 – 14 nội dung</i>)				
	<i>Văn bản Luật:</i>				
1	Luật PCTT, Luật đề điều, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật PCTT, Luật đề điều, những điểm mới trong Luật sửa đổi bổ sung	X	X	X	X
2	Các văn bản Luật có liên quan: Luật Người khuyết tật, Luật Người cao tuổi, Luật Bình đẳng giới,...	X	X	X	X
	<i>Các văn bản dưới Luật:</i>				
3	Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đề điều	X	X	X	X
4	Quy định thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai	X	X		
5	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT các cấp	X	X	X	X

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
6	Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai	X	X	X	X
7	Quy định về cảnh báo, dự báo, truyền tin và cấp độ rủi ro thiên tai	X	X	X	X
8	Quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	X	X	X	
9	Quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế để cứu trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai	X	X		X
10	Cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	X	X		
	<i>Một số văn bản về cơ chế, chính sách hỗ trợ trong PCTT:</i>				
11	Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	X	X	X	
12	Quy định về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo sự cố	X	X		X

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
	<i>Các chính sách, chiến lược của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTT:</i>				
13	Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTT	x	x	x	x
14	Chiến lược quốc gia về PCTT	x	x		
IV	Hướng dẫn tổ chức, thực hiện một số hoạt động cơ bản trong PCTT (Chuyên đề 4 – 14 nội dung)				
	<i>Giai đoạn phòng ngừa:</i>				
1	Xây dựng kế hoạch PCTT có lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ	x	x		x
2	Xây dựng phương án ứng phó theo cấp độ RRTT có lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ	x	x		x
3	Lồng ghép nội dung PCTT trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KTXH	x	x		
4	Tiêu chí về Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; Hướng dẫn huy động nguồn lực xã hội để PCTT và thích ứng BĐKH phục vụ xây dựng nông thôn mới bền vững	x	x		

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
5	Hướng dẫn về tổ chức, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đội xung kích PCTT cấp xã	X	X		
6	Hướng dẫn về quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng PCTT	X	X		
	<i>Giai đoạn ứng phó:</i>				
7	Hướng dẫn ứng phó thiên tai theo phương châm 04 tại chỗ và phương án ứng phó của địa phương đã phê duyệt	X	X	X	X
8	Công tác cứu hộ, cứu nạn	X	X	X	X
9	Hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu. Đặc biệt chú ý đến sơ cấp cứu cho đối tượng dễ bị tổn thương			X	
	<i>Giai đoạn khắc phục hậu quả:</i>				
10	Hướng dẫn thu thập, tổng hợp thiệt hại và nhu cầu khắc phục hậu quả sau thiên tai	X	X	X	X
11	Hướng dẫn xử lý vệ sinh, môi trường sau thiên tai (Xử lý nước uống và nước sinh hoạt theo hướng dẫn của Cục y tế dự phòng)	X	X	X	X
12	Hướng dẫn về tiếp nhận hàng hoá viện trợ quốc tế về PCTT	X	X		

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
13	Hướng dẫn vận động, tiếp nhận, phân phối các nguồn đóng góp tự nguyện khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo	x	x		
14	Chia sẻ bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong 03 giai đoạn PCTT	x	x	x	x
V	Kiểm soát an toàn thiên tai (Chuyên đề 5 – 04 nội dung)				
1	Quy định về bảo đảm yêu cầu PCTT trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình PCTT	x	x		
2	Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển	x	x		
3	Xử phạt vi phạm hành chính trong PCTT	x	x		
4	Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh	x	x		
VI	Thông tin truyền thông trong PCTT (Chuyên đề 6 – 03 nội dung)				
1	Các quy định về thông tin, truyền thông trong PCTT (quy định trong Luật PCTT và các văn bản QPPL, hướng dẫn liên quan)	x	x	x	x

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
2	Phương thức, phương tiện và nội dung truyền thông trong PCTT phù hợp với các đối tượng, đặc biệt đối tượng DBTT.	X	X	X	X
3	Giới thiệu tài liệu truyền thông, bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong tuyên truyền, truyền thông về PCTT	X	X	X	X
VII	Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PCTT (Chuyên đề 7 – 06 nội dung)				
1	Các khái niệm chung về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0, chuyển đổi số trong PCTT	X	X	X	X
2	Định hướng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong PCTT tại Việt Nam	X	X		
3	Giới thiệu các ứng dụng KHCN trong PCTT tại khu vực, Việt Nam (Dự báo, cảnh báo thiên tai; các giải pháp công trình, vật liệu mới, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT,...)	X	X		X
4	Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, các phần mềm, CSDL đã và đang ứng dụng trong PCTT.	X	X	X	X

TT	NỘI DUNG	Cán bộ làm công tác PCTT cấp tỉnh	BCH PCTT&TKCN huyện, xã	Nhóm HTKT cấp xã, phường	Cán bộ quản lý trường học
5	Giới thiệu một số hệ thống giám sát thiên tai cấp tỉnh và mô hình kết nối hệ thống, dữ liệu PCTT trong xây dựng thành phố thông minh, nông thôn mới thông minh tại Việt Nam	x	x	x	x
6	Hướng dẫn xây dựng văn phòng thường trực PCTT kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	x	x		
VI	Hợp tác quốc tế trong PCTT (<i>Chuyên đề 8 – 02 nội dung</i>)				
1	Các cam kết của Chính phủ Việt Nam trong PCTT, BDKH tại hiệp định song phương, đa phương quốc tế, khu vực và tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia (Sendai, Asean về PCTT, APEC,...)	x	x		x
2	Giới thiệu về một số đối tác giảm nhẹ RRTT hiện đang hỗ trợ công tác PCTT tại Việt Nam (Tổ chức liên hợp quốc, tổ chức phi chính phủ quốc tế,...)	x	x		x

b. Đối với nhóm đối tượng nâng cao nhận thức, kỹ năng:

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
I	Tổng quan về tình hình thiên tai và các hoạt động PCTT <i>(Chuyên đề 1 – 07 nội dung)</i>							
1	Tình hình và xu thế thiên tai khu vực, thế giới		x		x		x	
2	Tình hình và xu thế thiên tai trong nước, địa phương, đặc biệt đối với các loại thiên tai điển hình	x	x	x	x	x	x	x
3	Phân vùng thiên tai		x		x		x	x

² Bao gồm đối tượng dễ bị tổn thương

³ Bao gồm: tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

⁴ Là những đối tượng đã được quy định tại Mục 4 của Hướng dẫn số 90/HD-HĐGDQPAN, nhưng không bao gồm những đối tượng được nêu trong mục a. Nhóm đối tượng nâng cao năng lực quản lý và các nhóm đối tượng nâng cao nhận thức, kỹ năng khác tại mục b.

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
4	Thiệt hại do thiên tai trong khoảng 3-5 năm gần đây trên cả nước/tại địa phương (về con người, cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, môi trường,...) và hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của trung ương/địa phương, doanh nghiệp,....	x	x	x	x	x	x	x
5	Kiến thức, kỹ năng phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai: + Hướng dẫn kỹ thuật, kỹ năng PCTT&TKCN (Chằng chống nhà cửa, neo đậu tàu thuyền, chuẩn bị nhu yếu phẩm, sơ cấp cứu, sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai cấp xã, phường, sơ họa bản đồ ứng phó thiên tai cấp xã, phường) với một số loại hình thiên tai điển hình tại địa phương (Bão, ATNĐ, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn...); + Nhận diện các loại hình thiên tai và những việc nên/không nên khi thiên tai xảy ra đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp,....;	x	x		x	x		

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
	+ Các hành động sớm cần triển khai thực hiện dựa trên các thông tin cảnh báo sớm từ các cơ quan chức năng và địa phương.							
6	Nhiệm vụ và giải pháp trong PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 (chung và theo từng vùng)		x		x		x	x
II	Nâng cao nhận thức cộng đồng và giảm nhẹ RRTT DVCĐ (Chuyên đề 2 – 13 nội dung)							
	<i>Quản lý RRTT DVCĐ và Đánh giá RRTT DVCĐ</i>							
1	Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT DVCĐ, đến năm 2030”	x	x	x	x	x	x	x
2	Vai trò, mục đích, ý nghĩa của quản lý RRTT DVCĐ	x	x	x	x	x	x	x
3	Các khái niệm liên quan về quản lý RRTT DVCĐ	x	x	x	x	x	x	x
4	Hướng dẫn quy trình và 06 bước quản lý RRTT DVCĐ và các bước, công cụ đánh giá RRTT DVCĐ và nội dung hoạt động	x	x				x	

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
	từng bước tại cấp xã, phường phù hợp với đặc điểm thiên tai, văn hóa, KTXH của địa phương							
5	Hướng dẫn xây dựng nội dung, phương thức, kỹ năng tập huấn, tuyên truyền cho các đối tượng, đặc biệt đối tượng DBTT về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ	x	x	x			x	
6	Bình đẳng giới, lồng ghép giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương trong PCTT, quản lý RRTT DVCĐ	x	x	x	x	x	x	x
7	Hướng dẫn huy động nguồn lực xã hội trong xây dựng NTM đảm bảo an toàn trước thiên tai				x			
8	Giới thiệu mô hình xã, thôn điển hình về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng gắn với nông thôn mới, phát triển sinh kế	x	x	x	x	x	x	
	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án</i>							
9	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án 553 tại địa phương (Cấp tỉnh, huyện, xã)						x	
10	Hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ (Đề án 553)	x	x	x	x		x	x

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
11	Hướng dẫn lồng ghép nội dung, hoạt động Đề án 553 vào tiêu chí 3.2: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025				x		x	x
12	Hướng dẫn tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án 553 (Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Đề án)		x		x		x	
13	Chia sẻ bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong thực hiện Đề án 553	x	x	x	x		x	x
III	Giới thiệu hệ thống pháp luật, thể chế chính sách, chiến lược trong PCTT tại Việt Nam (Chuyên đề 3 – 14 nội dung)							
	Văn bản Luật:							
1	Luật PCTT, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật PCTT, Luật đề điều, những điểm mới trong Luật sửa đổi bổ sung	x	x	x	x	x	x	x

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
2	Các văn bản Luật có liên quan: Luật Người khuyết tật, Luật Người cao tuổi, Luật Bình đẳng giới,...	x	x	x	x	x	x	x
	<i>Các văn bản dưới Luật:</i>							
3	Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều	x	x	x	x		x	x
4	Quy định thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai				x		x	
5	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT các cấp	x	x	x	x		x	x
6	Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai	x	x	x	x		x	x
7	Quy định về cảnh báo, dự báo, truyền tin và cấp độ rủi ro thiên tai	x	x		x		x	
8	Quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	x						

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
9	Quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế để cứu trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai		x				x	x
10	Cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh		x	x	x	x	x	
	Một số văn bản về cơ chế, chính sách hỗ trợ trong PCTT						x	
11	Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x	x			x	x	x
12	Quy định về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo sự cố	x	x			x	x	x
	Các chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTT:							
13	Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTT	x	x	x	x		x	x

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
14	Chiến lược quốc gia về PCTT				x		x	
VI	Hướng dẫn tổ chức, thực hiện một số hoạt động cơ bản trong PCTT (Chuyên đề 4 – 14 nội dung)							
	<i>Giai đoạn phòng ngừa:</i>							
1	Xây dựng kế hoạch PCTT có lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD						x	
2	Xây dựng phương án ứng phó theo cấp độ RRTT có lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD						x	
3	Lồng ghép nội dung PCTT trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KTXH				x			
4	Tiêu chí về Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; Hướng dẫn huy động nguồn lực xã hội để PCTT và thích ứng BĐKH phục vụ xây dựng nông thôn mới bền vững		x		x		x	

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
5	Hướng dẫn về tổ chức, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đội xung kích PCTT cấp xã	x	x				x	
6	Hướng dẫn về quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng PCTT	x						
	<i>Giai đoạn ứng phó:</i>							
7	Hướng dẫn ứng phó thiên tai theo phương châm 04 tại chỗ và phương án ứng phó của địa phương đã phê duyệt	x	x	x	x	x	x	x
8	Công tác cứu hộ, cứu nạn	x			x		x	
9	Hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu. Đặc biệt chú ý đến sơ cấp cứu cho đối tượng dễ bị tổn thương	x		x				
	<i>Giai đoạn khắc phục hậu quả:</i>							
10	Hướng dẫn thu thập, tổng hợp thiệt hại và nhu cầu khắc phục hậu quả sau thiên tai	x	x	x	x	x	x	x
11	Hướng dẫn xử lý vệ sinh, môi trường sau thiên tai (Xử lý nước uống và nước sinh hoạt theo hướng dẫn của Cục y tế dự phòng)	x	x	x	x	x	x	x

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
12	Hướng dẫn về tiếp nhận hàng hoá viện trợ quốc tế về PCTT		x				x	
13	Hướng dẫn vận động, tiếp nhận, phân phối các nguồn đóng góp tự nguyện khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo		x		x		x	
14	Chia sẻ bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong 03 giai đoạn PCTT.	x	x	x	x	x	x	x
V	Kiểm soát an toàn thiên tai (Chuyên đề 5 – 02 nội dung)							
1	Quy định về bảo đảm yêu cầu PCTT trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; diêm du lịch; diêm dân cư nông thôn; công trình PCTT				x		x	
2	Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển				x		x	
3	Xử phạt vi phạm hành chính trong PCTT				x		x	

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
4	Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh.		x		x			
VI	Thông tin truyền thông trong PCTT (Chuyên đề 6 – 03 nội dung)							
1	Các quy định về thông tin, truyền thông trong PCTT (quy định trong Luật PCTT và các văn bản QPPL, hướng dẫn liên quan)	x	x	x	x		x	x
2	Phương thức, phương tiện và nội dung truyền thông trong PCTT phù hợp với các đối tượng, đặc biệt đối tượng DBTT	x	x	x	x		x	
3	Giới thiệu tài liệu truyền thông, bài học kinh nghiệm; một số mô hình, hoạt động tốt, hiệu quả trong tuyên truyền, truyền thông về PCTT	x	x	x	x	x	x	x
VII	Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PCTT (Chuyên đề 7 – 06 nội dung)							
1	Các khái niệm chung về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0, chuyển đổi số trong PCTT	x	x	x	x	x	x	x
2	Định hướng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong PCTT tại Việt Nam.	x			x		x	

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiep	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối trợng ⁴
3	Giới thiệu các ứng dụng KHCN trong PCTT tại khu vực, Việt Nam (Dự báo, cảnh báo thiên tai; các giải pháp công trình, vật liệu mới, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT,...)	x	x		x			
4	Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, các phần mềm, CSDL đã và đang ứng dụng trong PCTT.	x	x	x	x	x	x	x
5	Giới thiệu một số hệ thống giám sát thiên tai cấp tỉnh và mô hình kết nối hệ thống, dữ liệu PCTT trong xây dựng thành phố thông minh, nông thôn mới thông minh tại Việt Nam	x	x	x	x	x	x	x
6	Hướng dẫn xây dựng văn phòng thường trực PCTT kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.		x		x			
VIII	Hợp tác quốc tế trong PCTT (Chuyên đề 8 – 02 nội dung)							
1	Các cam kết của Chính phủ Việt Nam trong PCTT, BDKH tại hiệp định song phương, đa phương quốc tế, khu vực và tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia (Sendai, Asean về PCTT, APEC,...)		x		x		x	

TT	NỘI DUNG	Lực lượng xung kích cơ sở	Đội ngũ P.viên, BTV, C.bộ TT-TH huyện, xã, b.cáo viên, t.truyền viên	Cán bộ y tế cơ sở cấp xã, phường	D.nghiệp	Hộ gia đình, N.dân ²	Các tổ chức xã hội ³	Đối tượng ⁴
2	Giới thiệu về một số đối tác giảm nhẹ RRTT hiện đang hỗ trợ công tác PCTT tại Việt Nam (Tổ chức liên hợp quốc, tổ chức phi chính phủ quốc tế,...)		x		x		x	

III. CÁC BƯỚC TỔ CHỨC TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PCTT

1. Các giai đoạn của hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức PCTT

1.1. Giai đoạn 1: Trước tập huấn (gồm 05 bước)

- Bước 1. Xây dựng kế hoạch bài giảng
- Bước 2. Xây dựng chương trình tập huấn
- Bước 3. Thông qua chương trình tập huấn và phát giấy triệu tập/mời tham gia tập huấn
- Bước 4. Xây dựng giáo án bài giảng và tài liệu tập huấn
- Bước 5. Xây dựng câu hỏi đánh giá kết quả tập huấn

1.2. Giai đoạn 2: Trong tập huấn (gồm 09 bước)

- Bước 1. Khai mạc
- Bước 2. Giới thiệu mục đích, chương trình tập huấn
- Bước 3. Làm quen và xác định mong đợi của học viên
- Bước 4. Xây dựng nội quy lớp tập huấn
- Bước 5. Làm bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn
- Bước 6. Thực hiện các nội dung của khóa tập huấn
- Bước 7. Làm bài kiểm tra trắc nghiệm sau tập huấn
- Bước 8. Thảo luận, lấy ý kiến đánh giá/mong đợi của học viên sau khóa tập huấn
- Bước 9. Tổng kết và bế mạc khóa tập huấn

1.3. Giai đoạn 3: Sau tập huấn (gồm 02 bước)

- Bước 1: Đánh giá kết quả bài kiểm tra trắc nghiệm trước và sau khoá tập huấn
- Bước 2. Xây dựng, hoàn thiện và nộp báo cáo cuối khoá tập huấn

2. Nội dung các bước xây dựng và tổ chức tập huấn

2.1. Giai đoạn 1: Trước tập huấn

2.1.1. Bước 1. Xây dựng kế hoạch bài giảng:

a. Khái niệm:

Kế hoạch bài giảng là tập hợp những hoạt động dạy và học sẽ diễn ra hoặc có thể diễn ra trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng kiến thức (sau đây gọi là tập huấn) một cách hợp lý với mục tiêu bài học và thời gian tương ứng mà tập huấn viên chuẩn bị trước khi tập huấn.

b. Tầm quan trọng của việc xây dựng kế hoạch bài giảng:

- Giúp tập huấn viên thực hiện buổi tập huấn hiệu quả (Đạt mục tiêu bài học; đảm bảo tiến độ...).

- Là tài liệu giúp tập huấn viên xem xét, điều chỉnh lại bài giảng của mình.

- Thể hiện sự kết nối hợp lý giữa các bài giảng về nội dung, phương pháp tập huấn.

c. Các nội dung chuẩn bị lập kế hoạch bài giảng:

- Đối tượng tập huấn

- Mục tiêu tập huấn

- Nhu cầu tập huấn

- Nội dung tập huấn

- Phương pháp tập huấn

- Phương tiện, dụng cụ và người hỗ trợ tập huấn

d. Xác định mục tiêu tập huấn: Mục tiêu tập huấn là mục tiêu tổng thể của khoá tập huấn, thể hiện mong muốn của cơ quan/đơn vị tổ chức khoá tập huấn. Xác định mục tiêu tập huấn là đưa ra kết quả nhằm đạt được sau khoá tập huấn.

đ. Xác định nhu cầu tập huấn:

- Mục đích: Làm cơ sở để xây dựng chương trình và các nội dung tập huấn phù hợp, xác định cách thức và phương pháp tập huấn phù hợp, làm cơ sở để theo dõi và đánh giá kết học tập của học viên trước và sau khoá tập huấn.

- Kết quả: Ban tổ chức và giảng viên xác định được mong muốn và yêu cầu của học viên đối với khoá tập huấn.

e. Xác định nội dung tập huấn:

- Mục đích: Xác định nội dung tập huấn nhằm đạt hiệu quả cao trong tập huấn, đạt được mục tiêu và nhu cầu tập huấn. Với mỗi đối tượng tập huấn sẽ được xây dựng những nội dung khác nhau, phù hợp với từng đối tượng.

- Yêu cầu: Nội dung tập huấn phải phù hợp với năng lực và nhu cầu tập huấn của người được tập huấn (học viên), phù hợp với mục tiêu của khoá tập huấn. Nội dung tập huấn cần thiết thực, gắn với công việc của học viên. Ưu tiên tập trung vào các nội dung về quản lý RRTT DVCD.

g. Xác định phương pháp tập huấn:

- Phương pháp tập huấn được xác định dựa trên các mục tiêu tập huấn, nội

dung tập huấn và đặc điểm của thành phần, đối tượng tham gia tập huấn (*thành phần, đối tượng tham gia tập huấn được xác định dựa vào danh sách học viên do ban tổ chức cung cấp*).

- Trong đào tạo, tập huấn về quản lý RRTT DVCD có rất nhiều phương pháp khác nhau. Mỗi phương pháp đều có những điểm mạnh và tồn tại nhất định. Sử dụng một hay nhiều phương pháp tập huấn trong một khoá tập huấn có ý nghĩa quyết định đến kết quả của khoá tập huấn.

- Một số phương pháp tập huấn cơ bản:

+ Phương pháp thuyết trình

+ Phương pháp động não

+ Phương pháp thảo luận nhóm

+ Phương pháp nghiên cứu tình huống

+ Phương pháp thực địa

+ Phương pháp đóng vai

*(Nội dung chi tiết các phương pháp tại **Phụ lục 1**)*

h. Phương tiện, dụng cụ hỗ trợ tập huấn: Trong tập huấn, một số dụng cụ hỗ trợ giúp cho khóa tập huấn đạt hiệu quả hơn như: Máy chiếu, màn chiếu, bảng, flipschat, thẻ màu, giấy A0, bút viết giấy, bút viết bảng, bút màu, giấy A4 nhiều màu, băng dính giấy, kéo, thước kẻ....Tùy từng vấn đề cần trao đổi, thảo luận mà giảng viên chọn dụng cụ phù hợp giúp cho buổi tập huấn được hiệu quả.

2.1.2. Bước 2. Xây dựng chương trình tập huấn:

- Chương trình tập huấn thể hiện đầy đủ các thông tin về:

+ Tên chương trình tập huấn.

+ Địa điểm, thời gian tập huấn.

+ Các hoạt động trong thời gian tập huấn và nội dung hoạt động theo từng ngày, thời lượng/tiết học.

+ Tổ chức hoặc người thực hiện (V/d: Ban tổ chức, tập huấn viên,...)

*(Mẫu biểu chương trình tập huấn như **Phụ lục 2**)*

2.1.3. Bước 3. Thông qua chương trình tập huấn và phát hành giấy triệu tập cán bộ/học viên tham gia tập huấn:

- Nội dung chương trình sau khi dự thảo sẽ được báo cáo lãnh đạo/đơn vị chủ trì để thông qua.

- Đơn vị tổ chức dự thảo giấy mời kèm theo chương trình tập huấn, danh sách học viên tham gia tập huấn và trình cấp thẩm quyền xem xét, ký giấy mời.

- Đơn vị tổ chức phát hành giấy mời và liên lạc với các đơn vị để xác nhận cán bộ tham gia tập huấn.

2.1.4. Bước 4. Xây dựng giáo án bài giảng và tài liệu tập huấn

a. Xây dựng giáo án:

- Mục đích: giúp giảng viên, tập huấn viên tổ chức, lập kế hoạch và triển khai quá trình tập huấn một cách có hệ thống và đúng mục tiêu. Nó cũng tạo ra sự nhất quán trong việc truyền đạt kiến thức và đảm bảo rằng các mục tiêu học tập được đạt được.

- Thành phần của một giáo án, bao gồm:

+ Mục tiêu bài giảng

+ Nội dung trình bày

+ Phương pháp tập huấn

+ Thời lượng

+ Tài liệu và dụng cụ hỗ trợ quá trình tập huấn

+ Trình tự tiến hành bài giảng

*(Mẫu giáo án bài giảng xem tại **Phụ lục 3**)*

b. Chuẩn bị tài liệu tập huấn:

Việc xây dựng tài liệu tập huấn có thể được thực hiện đồng thời với việc xác định chương trình tập huấn và kế hoạch giảng dạy. Nội dung tài liệu phục vụ tập huấn được sắp xếp theo trình tự kế hoạch bài giảng. Bộ tài liệu gồm có các tài liệu sau:

- Tài liệu khoá học dành cho học viên: Tài liệu cung cấp nội dung kỹ thuật, kỹ năng chi tiết các chủ đề trong khoá tập huấn.

- Các tài liệu tham khảo/đọc thêm.

- Tài liệu trình bày (Các bài trình bày định dạng Power Points).

2.1.5. Bước 5. Xây dựng câu hỏi đánh giá kết quả tập huấn

Đánh giá kết quả khoá tập huấn sẽ gồm 03 bộ câu hỏi:

- Bài kiểm tra/câu hỏi trắc nghiệm kiến thức trước và sau tập huấn

- Bộ câu hỏi đánh giá ngày tập huấn.

- Bộ câu hỏi đánh giá toàn bộ khoá tập huấn

a. Đối với bài kiểm tra trắc nghiệm kiến thức trước và sau tập huấn:

Bộ câu hỏi trắc nghiệm cần xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo bao phủ toàn bộ nội dung các chuyên đề của khóa tập huấn, câu hỏi trắc nghiệm trước và sau tập huấn phải thống nhất để giảng viên đánh giá được sự thay đổi về nhận thức, kiến thức của học viên lúc trước và sau tập huấn. Ưu tiên các câu hỏi vận dụng thực tế với công tác PCTT và QLRRTT DVCD tại địa phương.

- Đối với bài trắc nghiệm trước tập huấn:

+ Giúp giảng viên, tập huấn viên biết rõ nội dung nào các học viên đã cơ bản tốt, nội dung nào chưa tốt? học viên nào đã có các kiến thức cơ bản và học viên nào chưa có kiến thức cơ bản?

+ Từ những đánh giá trên, giảng viên, tập huấn viên có thể điều chỉnh nội dung tập huấn hoặc phương pháp tập huấn để giúp học viên bổ sung, củng cố kiến thức dễ dàng và đầy đủ;

+ Cung cấp dữ liệu đầu vào để giúp tập huấn viên đánh giá mức độ thay đổi của học viên sau tập huấn;

- Đối với bài trắc nghiệm sau tập huấn: Nội dung câu hỏi trắc nghiệm tương tự câu hỏi trắc nghiệm trước tập huấn sẽ giúp giảng viên, tập huấn viên đánh giá được sự thay đổi về nhận thức của học viên sau tập huấn, mức độ thay đổi của từng học viên và từng câu trắc nghiệm. Từ đó có thể đề xuất, kiến nghị nội dung, phương pháp tập huấn cho các khóa tập huấn tiếp theo.

b. Bộ câu hỏi đánh giá ngày tập huấn:

- Mục đích:

+ Cung cấp thông tin về đánh giá kết quả học tập và sự tiếp nhận, phản hồi kịp thời các đề xuất, kiến nghị của học viên về phương pháp, nội dung tập huấn, công tác tổ chức, hậu cần,... sau khi kết thúc một ngày tập huấn.

+ Hỗ trợ giảng viên, tập huấn viên và Ban tổ chức xem xét, điều chỉnh nội dung, phương pháp tập huấn và công tác hậu cần phù hợp giúp học viên tiếp thu tốt hơn các kiến thức trong thời gian tập huấn.

- Nguyên tắc:

+ Không quá nhiều câu hỏi (không nên quá 05 câu hỏi).

+ Câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và tập trung vào nội dung tập huấn trong ngày.

+ Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, trừ câu hỏi về đề xuất, kiến nghị.

- Cách thức thu nhận thông tin:
- + Xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm: Đánh giá và viết đề xuất, kiến nghị
- + Sử dụng hình vẽ (Biểu tượng vui, buồn) để đánh giá mức độ hài lòng và phiếu viết đề xuất, kiến nghị.

(Mẫu bộ câu hỏi trắc nghiệm tại Phụ lục 4)

c. Bộ câu hỏi đánh giá toàn bộ khoá tập huấn:

- Mục đích: Hỗ trợ xem xét, điều chỉnh chương trình tập huấn, kế hoạch bài giảng, nội dung, phương pháp tập huấn và công tác chuẩn bị, hậu cần tốt hơn cho các khoá tập huấn tiếp theo.

- Cách thức thu nhận thông tin: Xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm đánh giá hoạt động tổ chức tập huấn và đề xuất, kiến nghị.

(Mẫu bộ câu hỏi đánh giá khoá tập huấn tại Phụ lục 5)

2.2. Giai đoạn 2: Trong tập huấn

2.2.1. Bước 1. Khai mạc

a. Nội dung phần khai mạc tập huấn:

- Nội dung tuyên bố lý do tổ chức khoá tập huấn
- Giới thiệu đại biểu tham dự buổi khai mạc khoá tập huấn:
- + Lãnh đạo, đại diện cơ quan, đơn vị tổ chức, phối hợp tổ chức khoá tập huấn;
- + Tổ chức hỗ trợ (chuyên gia, kinh phí,...) để tổ chức khoá tập huấn (nếu có);
- + Khách mời tham dự khai mạc khoá tập huấn (nếu có);
- + Các cơ quan, tổ chức cử cán bộ tham gia khoá tập huấn.

b. Nội dung bài phát biểu khai mạc:

- Cơ sở, căn cứ thực hiện;
- Sự cần thiết tổ chức khóa tập huấn
- Mục đích của khóa tập huấn;
- Yêu cầu đối với học viên tham gia tập huấn;
- Mong muốn về kết quả của khóa tập huấn.

c. Chụp ảnh lưu niệm toàn thể đại biểu

2.2.2. Bước 2. Giới thiệu mục đích, chương trình tập huấn

a. Mục đích:

-.
-

- Đảm bảo sự tham gia hiệu quả của các học viên trong khoá tập huấn thông qua tiếp nhận, giải đáp và thống nhất nội dung chương trình, nội quy khoá tập huấn.

b. Thời điểm: Thực hiện sau phiên khai mạc

c. Phương pháp: Ban tổ chức trình bày (phát biểu, chiếu bài trình bày bằng Power Point) và lấy ý kiến thống nhất từ học viên.

d. Nội dung thống nhất:

- Chương trình tập huấn: Ban tổ chức trình bày mục đích, chương trình của khóa tập huấn; tiếp nhận, giải đáp các ý kiến học viên (nếu có) và thống nhất chương trình, nội dung khóa tập huấn với các học viên.

- Nội quy khoá tập huấn: Ban tổ chức trình bày và thống nhất nội quy/quy ước với học viên trong thời gian tập huấn nhằm đảm bảo khoá tập huấn thành công (v/d: Thống nhất thời gian tập huấn; đến tập huấn đúng giờ; không nói chuyện, hút thuốc trong lớp tập huấn; không sử dụng điện thoại hoặc làm việc riêng trong lớp tập huấn; điện thoại để chế độ rung, tập trung và tích cực phát biểu, chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm;....).

2.2.3. Bước 3. Làm quen và xác định mong đợi của học viên:

a. Mục đích: Làm quen, giới thiệu về bản thân giúp học viên, tập huấn viên làm quen, hiểu và xây dựng mối quan hệ ban đầu trong khóa tập huấn; đồng thời thu thập mong đợi của các học viên về khóa tập huấn.

b. Thời điểm: Thực hiện sau khi giới thiệu mục đích, chương trình tập huấn.

c. Phương pháp cơ bản:

- Phương pháp truyền thống:

+ Các thành viên tự giới thiệu về bản thân (Tên, tuổi, chức danh, đơn vị công tác, chia sẻ sở thích...);

+ Giảng viên, tập huấn viên viết các yêu cầu, mong đợi của học viên lên từng tấm thẻ màu hoặc học viên tự viết và dán lên bảng;

+ Giảng viên, tập huấn viên tổng hợp và giải đáp các mong đợi của học viên trong khóa tập huấn. Những mong đợi nào phù hợp với nội dung khóa tập huấn? Nội dung nào sẽ gửi Ban tổ chức xem xét, tổ chức khóa tập huấn tiếp theo/lồng ghép nội dung vào khóa tập huấn khác liên quan.

- Phương pháp giới thiệu theo cặp đôi:

+ Giảng viên, tập huấn viên chuẩn bị các phiếu nhỏ trong đó ghi số hoặc ký tự, mỗi ký tự hoặc số được viết lên 02 phiếu, sao cho đủ số phiếu bằng số học viên rồi phát cho các học viên. Hai học viên có số/ký tự giống nhau thì ghép thành cặp đôi giới thiệu;

+ Hai học viên (đã ghép đôi) sẽ giới thiệu về nhau trước lớp và dán mong đợi của nhau lên bảng; hoạt động tiếp tục như thế lần lượt cho tới khi từng cặp ghép tiếp theo;

+ Giảng viên, tập huấn viên tổng hợp và giải đáp các mong đợi của học viên trong khoá tập huấn. Những mong đợi nào phù hợp với nội dung khoá tập huấn? Nội dung nào sẽ gửi Ban tổ chức xem xét, tổ chức khoá tập huấn tiếp theo/lồng ghép nội dung vào khoá tập huấn khác liên quan.

2.2.4. Bước 4. Xây dựng nội quy lớp tập huấn

a. Mục đích: Đảm bảo sự tham gia hiệu quả của các học viên và thành công của lớp tập huấn.

b. Thời điểm: Thực hiện sau hoạt động làm quen và xác định mong đợi

c. Phương pháp cơ bản:

Hoạt động thường được thực hiện thông qua thảo luận nhóm lớn:

- Thống nhất thời gian tập huấn:

+ Buổi sáng: Từ mấy giờ đến mấy giờ

+ Buổi chiều: Từ mấy giờ đến mấy giờ

- Giảng viên, tập huấn viên nêu mục đích và đưa ra câu hỏi các hoạt động nên/không nên trong lớp tập huấn.

- Học viên chủ động đưa ra các hoạt động nên/không nên trong lớp tập huấn.

- Giảng viên, tập huấn viên viết lên giấy A0 và thống nhất từng hoạt động với các học viên.

- Treo bảng nội quy lớp tập huấn tại vị trí dễ quan sát và thường nhắc nhở học viên tuân theo quy định đã thống nhất.

- Không nên đưa ra quá nhiều nội quy. Nên để 03-05 nội quy để dễ thực hiện.

2.2.5. Bước 5. Làm bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn

- Bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn sẽ hỗ trợ giảng viên/tập huấn viên xác định nội dung tập huấn nào cần tập trung nhiều thời gian hoặc lựa chọn, điều chỉnh phương

pháp tập huấn để giúp học viên bổ sung, củng cố kiến thức dễ dàng và đầy đủ.

- Một số lưu ý về bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn:

+ Giảng viên/tập huấn viên cần phổ biến, giải thích rõ với học viên về mục đích, cách thức và thời gian làm bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn;

+ Đảm bảo các học viên trả lời hết các câu hỏi trắc nghiệm. Đối với các câu hỏi có nội dung học viên chưa biết, chưa được tập huấn thì học viên vẫn trả lời trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân;

+ Không nên công bố kết quả bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn.

+ Kiểm soát số lượng bài phát ra và thu về.

+ Không nên phát tài liệu trước khi học viên làm bài kiểm tra để tránh HV mở tài liệu chép. Như vậy sẽ không đánh giá đúng chất lượng của HV trong lớp.

2.2.6. Bước 6. Thực hiện các nội dung của khóa tập

- Việc thực hiện các nội dung cần đảm bảo theo nội dung chương trình và kế hoạch bài giảng đã chuẩn bị. Tuy nhiên trong quá trình tập huấn cần có sự bàn bạc giữa giảng viên/tập huấn viên và Ban tổ chức để có những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của học viên.

- Một số lưu ý về thực hiện các nội dung tập huấn:

+ Áp dụng nội quy lớp học để đảm bảo lớp học diễn ra nghiêm túc, hiệu quả;

+ Truyền đạt nội dung bài giảng một cách dễ hiểu;

+ Sử dụng các công cụ và kỹ thuật phù hợp;

+ nắm bắt và theo dõi sự tiếp thu của học viên, đưa ra những đề nghị về thảo luận, trao đổi cần thiết để thu hút sự chú ý của học viên;

+ Theo dõi diễn biến lớp học và sự tham gia của học viên (kiểm soát các hành vi và giao tiếp phi ngôn ngữ trong lớp học).

2.2.7. Bước 7. Làm bài kiểm tra trắc nghiệm sau tập huấn

- Bài kiểm tra trắc nghiệm kết thúc khoá tập huấn (đánh giá cuối khoá) nhằm đánh giá sự thay đổi về nhận thức của học viên sau tập huấn. Từ đó có thể đề xuất, kiến nghị nội dung, phương pháp tập huấn cho các khoá tập huấn tiếp theo.

- Một số lưu ý về bài kiểm tra trắc nghiệm kết thúc khoá tập huấn:

+ Đảm bảo nội dung bộ câu hỏi trắc nghiệm kết thúc khoá tập huấn phải tương tự bộ câu hỏi trắc nghiệm trước khoá tập huấn;

+ Tập huấn viên cần nhắc lại mục đích, cách thức và thời gian làm bài kiểm tra trắc nghiệm kết thúc khoá tập huấn;

+ Đảm bảo các học viên trả lời hết các câu hỏi trắc nghiệm;

2.2.8. Bước 8. Thảo luận và lấy ý kiến đánh giá/mong đợi của học viên sau khóa tập huấn:

- Hoạt động thảo luận, lấy ý kiến đánh giá, mong đợi của học viên nhằm đánh giá tổng thể về khóa học bao gồm đánh giá về nội dung chương trình, giảng viên, công tác tổ chức, hậu cần và các đề xuất cải tiến để giúp Ban tổ chức và giảng viên/tập huấn viên có những điều chỉnh phù hợp cho các khóa tiếp theo.

- Một số lưu ý về lấy ý kiến đánh giá của học viên:

+ Nên sử dụng phiếu đánh giá để học viên chủ động, tự tin đưa ra ý kiến đánh giá, mong đợi bản thân;

+ Luôn lắng nghe, tôn trọng ý kiến khác biệt của học viên;

+ Đối với ý kiến đánh giá, góp ý: Giảng viên/tập huấn viên, Ban tổ chức chỉ nêu ý kiến đánh giá của học viên (không nêu tên học viên đưa ra ý kiến đánh giá) và giải thích, làm rõ (nếu cần);

+ Đối với mong đợi của học viên: Giảng viên/tập huấn viên, Ban tổ chức tổng hợp mong đợi của học viên và có ý kiến phản hồi. Đối với nội dung mong đợi chưa rõ, có thể mời học viên làm rõ.

2.2.9. Bước 9. Tổng kết và bế mạc khóa tập huấn

a. Nội dung bế mạc khóa tập huấn:

- Lời cảm ơn đến các cơ quan, tổ chức hỗ trợ khóa tập huấn, giảng viên/tập huấn viên, học viên đã tham gia khóa tập huấn.

- Đánh giá sơ bộ kết quả tập huấn (Số học viên đạt kết quả cao, đạt kết quả theo yêu cầu, sự thay đổi về kiến thức, kỹ năng, thái độ của học viên trong quá trình tập huấn).

- GV nên có báo cáo bằng hình ảnh/slide tổng thể về khóa tập huấn từ lúc đăng ký đại biểu đến khi kết thúc khóa tập huấn

- Mời đại diện 1-2 HV phát biểu ý kiến, cảm nhận về khóa học.

- Mong muốn của Ban tổ chức/chính quyền về việc phát huy kiến thức đã được tập huấn trong công việc cụ thể của các học viên.
b. Trao chứng nhận cho học viên (nếu có)

2.3. Giai đoạn 3: Sau tập huấn

2.3.1. Bước 1: Đánh giá và rút kinh nghiệm sau khoá tập huấn

Trên cơ sở kết quả bài kiểm tra trắc nghiệm trước và sau tập huấn, giảng viên/tập huấn viên tiến hành đánh giá sự thay đổi về nhận thức, kiến thức của học viên với từng nội dung; đánh giá sự thay đổi của từng học viên ở trước và sau tập huấn. Đồng thời, đánh giá xem chương trình tập huấn có đạt được các mục tiêu đã đề ra không, xác định điểm mạnh và điểm yếu của khoá tập huấn cũng như công tác tổ chức, sắp xếp bố trí, thực hiện và quản lý.

2.3.2. Bước 2. Xây dựng, hoàn thiện và nộp báo cáo cuối khoá tập huấn

a. Nội dung báo cáo cuối khoá bao gồm:

- Thông tin chung:

+ Mục tiêu khoá tập huấn;

+ Địa điểm và thời gian tổ chức;

+ Số lượng và thành phần học viên (Phân tách nam/nữ, độ tuổi);

+ Tập huấn viên: Tên, học hàm, học vị, đơn vị công tác (nếu có).

- Nội dung tập huấn.

- Đánh giá kết quả sau khoá tập huấn:

+ Đánh giá chung: Kết quả tập huấn về kiến thức, kỹ năng, thái độ của các học viên trong khoá tập huấn; đánh giá chung về giảng viên/tập huấn viên (kiến thức, phương pháp, tương tác nhóm,...); đánh giá về công tác tổ chức, hậu cần của Ban tổ chức.

+ Đánh giá riêng (Sử dụng biểu đồ): Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm của mỗi học viên; sự thay đổi kiến thức của mỗi học viên

- Những đề xuất và kiến nghị của học viên, giảng viên/tập huấn viên

- Phụ lục kèm theo:

+ Danh sách học viên (Họ tên, đơn vị công tác, nam/nữ, năm sinh);

+ Chương trình tập huấn;

+ Bộ câu hỏi trắc nghiệm trước và sau khoá tập huấn;

+ Bộ câu hỏi đánh giá khoá tập huấn và đề xuất, kiến nghị;

+ Biểu đồ đánh giá kết quả tập huấn của mỗi học viên (kèm theo dữ liệu về sự thay đổi kiến thức với mỗi câu hỏi trắc nghiệm).

*(Mẫu báo cáo đánh giá kết quả khoá tập huấn tại **Phụ lục 6**)*

b. Hoàn thiện báo cáo và gửi Ban tổ chức khoá tập huấn

PHẦN III. CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TẬP HUẤN CƠ BẢN

1. Phương pháp thuyết trình

a. Khái niệm: Thuyết trình là phương pháp tập huấn bằng lời nói sinh động của giảng viên, tập huấn viên để trình bày về một vấn đề hoặc một tài liệu mới nào đó.

b. Mục đích: Giảng viên, tập huấn viên truyền đạt kiến thức về phòng chống thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho học viên thông qua bài thuyết trình.

c. Ưu điểm:

- Dễ chuẩn bị và thực hiện, truyền đạt nội dung cho nhiều học viên cùng lúc;
- Phát triển kỹ năng nghe, kỹ năng ghi chép vắn tắt và kỹ năng tổng hợp của học viên;
- Có thể thích ứng với bất kỳ đối tượng học viên nào;
- Tập huấn viên chủ động hơn trong mọi tình huống.

d. Hạn chế:

- Thông tin một chiều, sự tương tác giữa giảng viên và học viên bị hạn chế;
- Học viên rất thụ động, không khuyến khích được học viên tích cực học tập. Nếu không kết hợp với phương pháp tập huấn khác thì thuyết trình không phải là một phương pháp có hiệu quả. Học viên quá thụ động và khó tập trung tư tưởng;

- Giảng viên, tập huấn viên không biết được những nội dung nào học viên đã hiểu, những nội dung nào cần điều chỉnh.

đ. Một số lưu ý với giảng viên, tập huấn viên:

- Giọng nói, tốc độ nói vừa phải, không nhanh quá hay chậm quá, đồng đều, tự tin;
- Mắt nhìn bao quát. Chỉ chỉ thân thiện, đúng mực;
- Chọn vị trí đứng phù hợp để quan sát được tổng quát lớp học, không quay lưng lại phía học viên, không đứng yên một chỗ hoặc đi lại quá nhiều.

2. Phương pháp động não:

a. Khái niệm: Phương pháp động não hay còn gọi là lấy ý kiến nhanh. Là phương pháp nhằm giúp học viên giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng thông qua việc giảng viên, tập huấn viên nêu ra vấn đề hoặc một câu hỏi và yêu cầu học viên đưa ra những ý kiến của họ và các ý kiến này sẽ được tổng hợp lại thành ý kiến chung.

b. Mục đích:

- Dùng để thu thập ý kiến một cách nhanh chóng về một vấn đề/chủ đề nào đó trong một khoảng thời gian ngắn, không phê phán hay đánh giá các ý kiến thu thập được;
- Thu thập được nhiều ý kiến, nhiều giải pháp khác nhau;
- Khuyến khích suy nghĩ và quan tâm của học viên về một vấn đề cụ thể;
- Kích thích sự tham gia của học viên, nhất là khi học viên phải nghe giảng trong

thời gian dài.

c. Ưu điểm:

- Thu thập được nhiều ý kiến khác nhau trong thời gian ngắn;
- Phát huy ý kiến, tư duy và sáng tạo của học viên;
- Phát triển kỹ năng nói của học viên;
- Phát triển ý tưởng cá nhân một cách độc lập, khách quan;
- Có thể thực hiện theo nhóm hoặc cả lớp (với số lượng học viên không quá đông).

d. Hạn chế:

- Nhiều ý kiến khác nhau, trái chiều, tốn thời gian;
- Cần thiết phải duy trì sự định hướng cho quá trình sáng tạo phù hợp với mục tiêu bài tập;
- Khó thực hiện trong lớp học có số lượng học viên đông.

đ. Một số lưu ý:

- Câu hỏi đưa ra để lấy ý kiến phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu;
- Đảm bảo chắc chắn học viên đều hiểu rõ chủ đề/ý tưởng cần thảo luận;
- Có thể phải làm thử một ví dụ đơn giản (nếu cần thiết và có đủ thời gian);
- Phải tôn trọng tất cả các ý kiến, không chỉ trích, đánh giá ý kiến của học viên.

3. Phương pháp thảo luận nhóm

a. Khái niệm: Thảo luận nhóm là phương pháp mà theo đó các thành viên trong nhóm hợp tác theo sự phân công để giải quyết một vấn đề cụ thể.

- Với phương pháp này, học viên được chia ra thành những nhóm nhỏ để thực hiện thảo luận về nội dung/vấn đề được tập huấn viên giao. Kết quả của từng nhóm được trình bày trước lớp để thảo luận chung trước khi đi tới kết luận cuối cùng.

- So với phương pháp thuyết trình thì phương pháp thảo luận nhóm thích hợp cho việc kích thích sự hợp tác của tất cả các thành viên tham dự trong nhóm. Làm việc theo nhóm đòi hỏi tăng cường tư duy độc lập và trao đổi lẫn nhau trong nhóm. Ở phương pháp này, tập huấn viên đóng vai trò là người thúc đẩy và điều hành các hoạt động của nhóm để thảo luận đi đúng với yêu cầu đưa ra.

b. Mục đích:

- Phân tích, tìm hiểu và giải quyết về một vấn đề/chủ đề cụ thể, huy động kiến thức và kinh nghiệm của học viên để tìm ra đáp án thông qua trao đổi thông tin và ý tưởng giữa các thành viên trong nhóm;

- Nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề của học viên. Nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực của tất cả học viên;

- Giúp học viên học tập lẫn nhau, nêu cao tinh thần hợp tác.

c. Ưu điểm:

- Có sự tham gia tích cực của học viên;
- Giúp các thành viên trong nhóm tham gia vào quá trình tư duy tích cực, kích

thích tư duy phản biện;

- Phát huy tinh thần làm việc nhóm trong tìm hiểu và giải quyết vấn đề.

d. Hạn chế:

- Chiếm nhiều thời gian;
- Một số học viên phát biểu nhiều sẽ chiếm thời lượng của học viên khác, cũng có thể một số học viên có thể “đứng ngoài cuộc”;
- Thảo luận có thể bị lệch hướng do có nhiều ý tưởng giữa các học viên.

đ. Một số lưu ý:

- Mỗi nhóm nên có từ 6-8 người, đảm bảo tính đại diện cho độ tuổi và giới;
- Nên đặt tên cho mỗi nhóm để tiện trong quá trình gọi tên nhóm khi trao đổi, thảo luận;
- Đảm bảo các học viên đều tham gia trong quá trình thảo luận nhóm và trình bày; Khuyến khích các học viên trong nhóm phân công trình bày, tránh một học viên trình bày nhiều lần.

4. Phương pháp nghiên cứu tình huống

a. Mục đích: Thực hiện dựa trên một tình huống có thật (liên quan đến một vấn đề, một thách thức, một cơ hội) các cá nhân trong tổ chức phải xử lý hoặc giải quyết.

b. Ưu điểm:

- Giúp học viên có cơ hội được nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề liên quan;
- Học viên có cơ hội trao đổi, tương tác với nhau trong vấn đề gắn với thực tế công việc;
- Tạo không khí hào hứng trong học tập.

c. Hạn chế:

- Chiếm nhiều thời gian chuẩn bị và thực hiện;
- Giảng viên, tập huấn viên cần biết cách chuẩn bị và tổ chức thực hiện tình huống;

5. Phương pháp đóng vai

a. Mục đích: Diễn xuất trực tiếp và tại chỗ về một hoạt động/công việc được xây dựng (như xảy ra trong thực tế) để tìm ra giải pháp khả thi.

b. Ưu điểm:

- Học viên cơ hội thể hiện thái độ, tinh thần hợp tác với công việc;
- Tạo cơ hội để học viên thể hiện cảm xúc tự nhiên;
- Tạo hứng thú đối với giảng viên, tập huấn viên và học viên.

c. Hạn chế:

- Chiếm nhiều thời gian;
- Học viên có thể diễn xuất không tốt hoặc không thể hiện được tinh thần của vai diễn.

6. Phương pháp thực địa

a. Mục đích: Tham quan địa bàn có hoạt động đang diễn ra để quan sát, trao đổi kiến thức được áp dụng trong thực tế.

b. Ưu điểm: Giúp học viên liên hệ tốt lý thuyết với thực tế công việc.

c. Hạn chế:

- Mất nhiều thời gian;
- Dễ trở thành chuyên “đi dạo.”

PHỤ LỤC 2
MẪU CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

1. Ví dụ Chương trình tập huấn trong thời gian 02 ngày (kèm theo giấy triệu tập):

CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN
VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
CÓ HOÀ NHẬP NGƯỜI CAO TUỔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Mục tiêu:

Nâng cao năng lực về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai cấp huyện nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương đảm bảo bình đẳng giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương

2. Thời gian: 02 ngày (từ ngày 10 -11/10/2023)

3. Địa điểm: Quảng Ngãi

4. Thành phần tham gia khóa tập huấn - tối đa 25: Đại diện của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của 12 huyện, thị xã.

5. Chương trình tập huấn

NGÀY 01 (10/10/2023)		
Thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
07:30 - 08:00	Đón tiếp và đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
08:00 - 08:15	Khai mạc khoá tập huấn - Phát biểu khai mạc - Chụp ảnh lưu niệm	Đại diện BTC
08:15 - 09:15	- Giới thiệu học viên, tập huấn viên - Xây dựng nội quy lớp học và xác định mong đợi học viên - Giới thiệu mục tiêu/Chương trình tập huấn trong 02 ngày	Giảng viên+ Ban tổ chức
09:15 - 09:30	Bài kiểm tra đầu vào	
09:30 - 10:00	Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” (Đề án 553)	Giảng viên
10:00 - 10:15	<i>Nghỉ giải lao</i>	
10:15 – 11:30	Các điểm mới trong Đề án 553 và kết quả thực hiện	Giảng viên
11:30 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	

13:30 - 15:00	Các khái niệm về quản lý rủi ro thiên tai, bình đẳng giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương	Giảng viên
15:00 - 15:15	<i>Nghỉ giải lao</i>	
15:15 - 16:30	- Các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng - Hướng dẫn đưa nội dung người cao tuổi, người khuyết tật trong các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Giảng viên
16:30 – 16:45	Tổng kết ngày 1	Giảng viên

NGÀY 02 (11/10/2023)		
Thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
08:00 - 08:30	Tóm tắt nội dung tập huấn ngày 1	Giảng viên
08:30 - 09:30	- Các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng - Hướng dẫn đưa nội dung người cao tuổi, người khuyết tật trong các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Giảng viên
09:30 - 10:15	Giới thiệu các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Giảng viên
10:15 - 10:30	<i>Nghỉ giải lao</i>	
10:30 - 11:30	- Giới thiệu mẫu kế hoạch thực hiện Đề án - Hướng dẫn đưa nội dung báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án	Giảng viên
11:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 14:15	Thực hành đưa nội dung báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án	Giảng viên
14:15 - 15:30	Hướng dẫn đưa nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án vào kế hoạch phòng chống thiên tai	Giảng viên
15:30 - 15:45	<i>Nghỉ giải lao</i>	
15:45 – 16:15	Hướng dẫn đưa nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án vào kế hoạch phòng chống thiên tai (Tiếp tục)	Giảng viên
16:15 - 16:30	Bài kiểm tra đầu ra	
16:30 - 17:00	Tổng kết và bế mạc - Đánh giá của học viên - Phát biểu bế mạc	Giảng viên + Ban tổ chức

2. Ví dụ Chương trình tập huấn (dành cho giảng viên/tập huấn viên):

<p>CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN</p> <p>VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG</p> <p>CÓ HOÀ NHẬP NGƯỜI CAO TUỔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT</p> <p><i>Thời gian: 10 – 11/10, 2023 tại Quảng Ngãi, Việt Nam</i></p>

1. Mục tiêu:

Nâng cao năng lực về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai cấp huyện nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương đảm bảo bình đẳng giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương

2. Đề cương:

Khóa tập huấn bao gồm hai phần:

Phần 1: Tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” (Đề án 553);

- Các điểm mới trong Đề án 553 và kết quả thực hiện;

- Các khái niệm về quản lý rủi ro thiên tai, bình đẳng giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương;

- Các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Hướng dẫn đưa nội dung người cao tuổi, người khuyết tật trong các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Hướng dẫn đưa nội dung người cao tuổi, người khuyết tật trong các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Giới thiệu các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Phần 2: Tập huấn về đưa nội dung đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án và kế hoạch phòng chống thiên tai

- Giới thiệu mẫu kế hoạch thực hiện Đề án 553 tại địa phương

- Hướng dẫn đưa nội dung báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án

- Thực hành đưa nội dung báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn đưa nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án vào kế hoạch PCTT

3. Thời gian: 02 ngày (từ ngày 10 -11/10/2023)

4. Địa điểm: Quảng Ngãi

5. Đối tượng học viên:

a. Tổng số: 24 học viên

b. Thành phần: Đại diện của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của 12 huyện, thị xã.

6. Tài liệu tham khảo:

- Luật Phòng chống thiên tai và các Luật có liên quan

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030”.

7. Chương trình tập huấn:

Thời gian	Nội dung	Phương pháp	Chịu trách nhiệm
Ngày 1 (10/10/2023)			
07:30 - 08:00	Đón tiếp và đăng ký đại biểu		Ban tổ chức
08:00 - 08:15	Khai mạc khoá tập huấn ----- <i>Lưu ý: Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (quản lý RRTT DVCD) đảm bảo bình đẳng giới, hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương đặc biệt là nâng cao năng lực cho lực lượng cấp cơ sở</i> - Phát biểu khai mạc - Chụp ảnh lưu niệm	Phát biểu khai mạc	Đại diện BTC
08:15 - 09:15	- Giới thiệu học viên, tập huấn viên - Xây dựng nội quy lớp học và xác định mong đợi học viên. - Giới thiệu mục tiêu/Chương trình tập huấn trong 02 ngày. ----- <i>Lưu ý:</i> - Xác định rõ mong đợi của học viên có thể thực hiện được trong khoá tập huấn. - Cụ thể hoá và thống nhất nội quy tập huấn với học viên	Phát biểu/trình bày, trò chơi vận động ngắn	Giảng viên + Ban tổ chức
09:15 - 09:30	Bài kiểm tra đầu vào ----- - Cần nói rõ với học viên về mục đích, cách thức làm bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn;		

Thời gian	Nội dung	Phương pháp	Chịu trách nhiệm
	<p>- Đảm bảo các học viên trả lời hết các câu hỏi trắc nghiệm. Đối với các câu hỏi có nội dung học viên chưa biết, chưa được tập huấn thì học viên vẫn trả lời trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân;</p> <p>- Không nên công bố kết quả bài kiểm tra trắc nghiệm trước tập huấn.</p>		
09:30 - 10:00	<p>Giới thiệu Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” (Đề án 553).</p> <p>-----</p> <p>- Hỏi học viên nào đã biết đến Đề án 553?</p> <p>- Nếu chưa biết thì lý do tại sao?</p>	Trình bày/thảo luận nhóm lớn	Giảng viên
10:00 - 10:15	<i>Nghỉ giải lao</i>		
10:15 – 11:30	<p>Các điểm mới trong Đề án 553 và kết quả thực hiện</p> <p>-----</p> <p>Học viên chia sẻ kết quả thực hiện tại địa phương? thuận lợi, khó khăn khi triển khai tại địa phương?</p>	Trình bày/thảo luận nhóm lớn	Giảng viên
11:30 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 - 15:00	<p>Các khái niệm về quản lý rủi ro thiên tai, bình đẳng giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương</p> <p>-----</p> <p>- Hướng dẫn bài tập ghép tên với nội dung khái niệm và có ví dụ sát với đặc điểm của địa phương. Đặc biệt là 03 khái niệm: Rủi ro thiên tai, năng lực PCTT, tình trạng dễ bị tổn thương.</p> <p>- Giải thích rõ từng khái niệm và mối liên hệ giữa các khái niệm.</p>	Trình bày/thảo luận nhóm nhỏ	Giảng viên
15:00 - 15:15	<i>Nghỉ giải lao</i>		
15:15 - 16:30	<p>- Các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng</p> <p>- Hướng dẫn đưa nội dung người cao tuổi, người khuyết tật trong các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.</p> <p>-----</p>	Trình bày/thảo luận nhóm nhỏ	Giảng viên

Thời gian	Nội dung	Phương pháp	Chịu trách nhiệm
	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích các bước quản lý RRTT DVCD với công việc, nhiệm vụ các học viên đang thực hiện. - Làm rõ vai trò và tình trạng DBTT của người cao tuổi và người khuyết tật trong PCTT. 		
16:30 – 16:45	<p>Tổng kết ngày 1</p> <p>-----</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cần lưu ý trong ngày tập huấn - Giới thiệu nội dung và những lưu ý cần chuẩn bị cho ngày tập huấn tiếp theo. 	Trình bày	Giảng viên

Thời gian	Nội dung	Phương pháp	Chịu trách nhiệm
Ngày 2 (11/10/2023)			
08:00 - 08:30	<p>Tóm tắt nội dung tập huấn ngày 1</p> <p>-----</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá nhanh nội dung ngày hôm trước (bao gồm cả những điểm cần lưu ý) - Nhấn mạnh những gì học viên sẽ tập huấn ngày hôm nay. 	Trắc nghiệm nhanh	Giảng viên
08:30 - 09:30	<ul style="list-style-type: none"> - Các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; - Hướng dẫn đưa nội dung người cao tuổi, người khuyết tật trong các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. <p>-----</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích các bước đánh giá RRTT DVCD với công việc, nhiệm vụ các học viên đang thực hiện; - Nhắc lại vai trò và tình trạng DBTT của người cao tuổi và người khuyết tật trong PCTT. 	Trình bày/thảo luận nhóm nhỏ	Giảng viên
09:30 - 10:15	Giới thiệu các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Trình bày	Giảng viên
10:15 - 10:30	<i>Nghỉ giải lao</i>		
10:30 - 11:30	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu mẫu kế hoạch thực hiện Đề án - Hướng dẫn đưa nội dung báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án 	Trình bày/thảo luận nhóm nhỏ	Giảng viên

Thời gian	Nội dung	Phương pháp	Chịu trách nhiệm
	<p>-----</p> <p>Hướng dẫn học viên đưa tình nội dung báo cáo đánh giá RRTT DVCD vào nội dung của Kế hoạch thực hiện Đề án</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị báo cáo đánh giá RRTT DVCD mẫu để học viên thực hành. Thông tin và dữ liệu lấy sát với tình hình thiên tai của địa phương - Báo cáo có thông tin về người cao tuổi, người khuyết tật 		
11:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 - 14:15	<p>Thực hành đưa nội dung báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vào Kế hoạch thực hiện Đề án</p> <p>-----</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên thảo luận và thực hành đưa nội dung báo cáo đánh giá RRTT DVCD vào kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo đủ thông tin về giới, thông tin về người cao tuổi, người khuyết tật - Giảng viên/tập huấn viên trao đổi và sửa bài thực hành của 01 nhóm, các nhóm khác tự kiểm tra và sửa bài của nhóm. 	Trình bày/thảo luận nhóm nhỏ	Giảng viên
14:15 - 15:30	Hướng dẫn đưa nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án vào kế hoạch phòng chống thiên tai	Trình bày	Giảng viên
15:30 - 15:45	<i>Nghỉ giải lao</i>		
15:45 – 16:15	<p>Hướng dẫn đưa nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án vào kế hoạch phòng chống thiên tai (Tiếp tục)</p> <p>-----</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên thảo luận và thực hành đưa nội dung kế hoạch thực hiện Đề án vào kế hoạch PCTT đảm bảo đủ thông tin về giới, thông tin về người cao tuổi, người khuyết tật - Giảng viên/tập huấn viên trao đổi và sửa bài thực hành của 01 nhóm, các nhóm khác tự kiểm tra và sửa bài của nhóm. 	Trình bày/thảo luận nhóm nhỏ	Giảng viên
16:15 - 16:30	Bài kiểm tra đầu ra		
16:30 - 17:00	<p>Tổng kết và bế mạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá của học viên - Phát biểu bế mạc 	Phát biểu	Giảng viên+ Ban tổ chức

PHỤ LỤC 3
MẪU GIÁO ÁN CHO GIẢNG VIÊN, TẬP HUẤN VIÊN

CHỦ ĐỀ 1: KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

1. Mục tiêu: Học viên nói được:

- Đánh giá rủi ro thiên tai là gì? Vì sao cần đánh giá RRTT?
- Người đánh giá RRTT, người được đánh giá?
- Các thông tin cần thu thập khi đánh giá RRTT
- Các bước đánh giá RRTT DVCD

2. Thời gian: 65'

3. Dụng cụ/tài liệu: Giấy, bút, giấy Ao, thẻ màu ghi sẵn các bước ĐGRRTT và các hoạt động tương ứng với mỗi bước, bảng mô tả thông tin theo từng lĩnh vực

4. Các bước tiến hành:

1. GV: Giới thiệu mục tiêu bài học

A. Đánh giá rủi ro thiên tai (40')

2. GV hỏi học viên:

- *Đánh giá rủi ro thiên tai là gì?*
- *Vì sao cần đánh giá RRTT?*
- *Người đi đánh giá?*
- *Người được đánh giá?*
- *Nên thu thập những thông tin gì khi đi đánh giá?*

Lắng nghe HV trả lời

3. GV đúc kết bài học

4. Chia lớp thành 3 nhóm: yêu cầu mỗi nhóm cho 2 ví dụ thực tế ở địa phương (1 ví dụ về Năng lực PCTT & 1 ví dụ về Tình trạng DBTT) về các thông tin cần thu thập (mỗi nhóm 1 lĩnh vực)

5. Mời đại diện 3 nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, GV góp ý thêm nếu cần.

6. GV trình bày Một số chú ý quan trọng trong đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

B. Các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (15')

7. Dán bộ thẻ màu ghi sẵn tên của mỗi bước và mời 1 học viên sắp xếp các bước theo trình tự hợp lý.
8. Mời các học viên khác đặt câu hỏi để làm rõ nếu cần.
9. GV đúc kết bài học
10. Lần lượt giới thiệu các hoạt động tương ứng với các bước
11. GV hỏi: *Nếu nhóm HTKT cấp xã, phường thực hiện các bước này, có thể gặp khó khăn gì? Giải pháp khắc phục?*

BÀI HỌC: KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là gì?

Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân, bao gồm nhóm đối tượng dễ bị tổn thương về: Các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro của cộng đồng.

2. Mục đích đánh giá rủi ro thiên tai

- Xác định những thiên tai đã và có nguy cơ xảy ra tại các khu vực trên địa bàn;
- Xác định được các yếu tố dễ bị tổn thương của cộng đồng trước thiên tai;
- Xác định năng lực phòng chống thiên tai của cộng đồng;
- Xác định các rủi ro thiên tai và thứ tự ưu tiên để tìm ra các giải pháp phù hợp trong đó có nhóm đối tượng DBTT;
- Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch PCTT tại địa phương cũng như sử dụng trong lập kế hoạch phát triển KT-XH, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác tại địa phương;
- Nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân và cán bộ địa phương về phòng, chống thiên tai

3. Người đi đánh giá: Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường

4. Người được đánh giá: Người dân (đại diện các thành phần trong thôn, đặc biệt là các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương)

5. Các thông tin cần thu thập khi đánh giá

- Thông tin về các loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương trong những năm gần đây (5-10 năm) và thiên tai lịch sử
- Các thông tin về năng lực PCTT và tình trạng DBTT của cộng đồng, phân theo 3 lĩnh vực (An toàn cộng đồng; Sức khỏe, vệ sinh, môi trường; Sản xuất, kinh doanh) và 3 khía cạnh (Vật chất; Tổ chức xã hội; Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ).

Ví dụ:

Lĩnh vực	Khía cạnh	Mô tả	Ví dụ về năng lực PCTT & tình trạng DBTT
An toàn cộng đồng	Vật chất	Chất lượng nhà ở; công trình công cộng; phương tiện/ trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; thông tin liên lạc hỗ trợ công tác PCTT, hệ thống cảnh báo, ...(số lượng, chất lượng, khả năng tiếp cận cho NKT và phù hợp với việc sử dụng của nữ và nam)	- 70% nhà trong thôn là nhà kiên cố, chịu được bão cấp 12 - Thôn không có loa phóng thanh để cảnh báo sớm
	Tổ chức xã hội	Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã, phường, Đội xung kích, (cách tổ chức, số nam, nữ tham gia và năng lực...)	- Các thôn thành lập Tổ xung kích và đã được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết, kiến thức PCTT, ý thức PCTT của người dân (ý thức chấp hành lệnh sơ tán dân, huy động vật tư nhân lực của chính quyền địa phương...)	- 80% Người dân biết cách chằng chống nhà cửa trước khi có bão

- Các rủi ro thiên tai; nhu cầu, giải pháp hỗ trợ phù hợp để giảm nhẹ rủi ro và phát triển sinh kế cho cộng đồng.

6. Một số chú ý quan trọng trong đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Thông tin cần được thu thập theo 03 lĩnh vực: i) An toàn cộng đồng; ii) Sức khỏe, vệ sinh, môi trường; iii) Sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi lĩnh vực trên được đánh giá với 03 khía cạnh: i) Cơ sở vật chất, ii) Tổ chức/xã hội, iii) Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.
- Các thông tin thu thập cần đảm bảo các nguyên tắc:

+ Thông tin về tình trạng DBTT, năng lực PCTT và nhu cầu, giải pháp: đảm bảo tính hợp lý, logic và không mâu thuẫn

Ví dụ:

<i>Rủi ro thiên tai</i>	<i>Tình trạng dễ bị tổn thương</i>	<i>Năng lực phòng, chống thiên tai</i>	<i>Nhu cầu, giải pháp</i>
30% trâu bò có thể bị ốm hoặc chết rét tại thôn A	50% người dân thôn A <u>chưa có kiến thức, kinh nghiệm</u> làm chuồng trại chống rét cho trâu, bò.	Người dân trong thôn A đã <u>chủ động che chắn chuồng trại đúng kỹ thuật</u> chống rét cho trâu, bò	Cung cấp thêm trâu, bò cho các hộ gia đình trong thôn A
	<i>Thông tin mâu thuẫn</i>		<i>Giải pháp không hợp lý để giải quyết tình trạng DBTT</i>

+ Thông tin phải đảm bảo: Ai ? như thế nào ? ở đâu ? số lượng, khối lượng, bao nhiêu ?

Ví dụ:

- ✓ 50% (*Số lượng*) người dân (*Ai ?*) trong thôn A (*ở đâu ?*) chưa có kiến thức, kinh nghiệm (*như thế nào*) làm chuồng trại chống rét cho trâu, bò.
- ✓ Tổ chức 03 tập huấn (*Số lượng*) cho 50% người dân thôn A (*Ai và ở đâu*) biết cách làm chuồng trại chống rét cho trâu, bò nhằm giảm thiệt hại khi rét đậm, rét hại xảy ra (*như thế nào*).

+ Thông tin phải viết thành hàng ngang để đảm bảo đúng, đủ thông tin, tránh trường hợp thiếu giải pháp để giải quyết tình trạng DBTT; có giải pháp nhưng thiếu thông tin tình trạng DBTT,...

7. Các bước Đánh giá RRTT DVCD

a. Chuẩn bị đánh giá

- Tập huấn cho Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, phường thực hiện đánh giá RRTT DVCD
- Xây dựng kế hoạch chi tiết đánh giá RRTT DVCD và tổ chức thực hiện
- Thông báo nội dung và kế hoạch đánh giá RRTT DVCD tới người dân.
- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá.
- Nhóm HTKT cấp xã/phường làm việc với các phòng/ban để thực hiện thu thập và phân tích sơ bộ thông tin có sẵn (Công cụ 1. Thông tin sẵn có)

b. Thực hiện đánh giá RRTT DVCD

- Nhóm HTKT cấp xã, phường sử dụng các công cụ để thu thập và tổng hợp thông tin đánh giá RRTT về: Tình hình thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực PCTT, nhu cầu và giải pháp (có phân tách giới, thông tin của nhóm DBTT) và RRTT.

- Nhóm HTKT cấp xã, phường hoàn thiện thông tin, biểu mẫu để chuẩn bị kiểm chứng thông tin đánh giá RRTT tại cộng đồng, gồm:

- + Biểu mẫu thu thập thông tin của từng công cụ
- + Bảng tổng hợp thông tin đánh giá rủi ro thiên tai
- + Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên.

c. Kiểm chứng thông tin đánh giá RRTT DVCD

- Tổ chức họp với người dân để kiểm chứng thông tin về: tình hình thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực PCTT, nhu cầu và giải pháp (có phân tách giới, thông tin của nhóm DBTT) và rủi ro thiên tai.

- Các nội dung kiểm chứng đối với người dân:

- + Biểu mẫu thu thập thông tin của từng công cụ
- + Bảng tổng hợp thông tin đánh giá rủi ro thiên tai
- + Xếp hạng và đề xuất giải pháp ưu tiên.

- Nhóm HTKT cấp xã, phường cùng người dân thảo luận và thống nhất các rủi ro thiên tai và giải pháp PCTT được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đảm bảo có sự tham gia của người dân (cân đối yếu tố giới, độ tuổi), đặc biệt là các đối tượng DBTT.

e. Xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Nhóm HTKT cấp xã, phường dự thảo báo cáo đánh giá RRTT DVCD cấp xã/phường;

- Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung báo cáo đánh giá RRTT DVCD xã/phường với đại diện các ban, ngành, đoàn thể, đại diện của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn

- Dựa trên ý kiến góp ý, nhóm HTKT chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo và trình cho UBND cấp xã/phường phê duyệt báo cáo

- UBND xã, phường sử dụng báo cáo này làm cơ sở xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai và lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới của xã.

PHỤ LỤC 4
MẪU BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

KHÓA TẬP HUẤN

**Nâng cao năng lực về phòng chống thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai
dựa vào cộng đồng**

Ngày:

Địa điểm.....

BÀI KIỂM TRA

(Thời gian: 20 phút)

A/ THÔNG TIN HỌC VIÊN

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Đơn vị công tác:.....

Giới tính: Nam Nữ

Năm sinh:

B/ NỘI DUNG KIỂM TRA

Anh/chị vui lòng khoanh tròn vào **01** câu trả lời đúng ứng với mỗi câu hỏi:

I. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. Theo Luật Phòng, chống thiên tai, “rủi ro thiên tai” là:

a. Một hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế- xã hội.

b. Thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

c. Sự thay đổi khí hậu diễn ra trong một thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên và hoặc do hoạt động của con người.

2. “Tình trạng dễ bị tổn thương” là:

a. Sự yếu kém của cá nhân, hộ gia đình hay một cộng đồng trong việc phòng ngừa và ứng phó với thiên tai.

b. Sự điều hành kém hiệu quả của chính quyền địa phương trong việc phòng ngừa và ứng phó với thiên tai.

c. Những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng làm cho cộng đồng đó dễ bị thiệt hại bởi thiên tai.

3. Năng lực phòng, chống thiên tai là:

a. Sự phân định mức độ thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

b. Khả năng của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư trong một vùng nhất định.

c. Tổng hợp tất cả các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng (con người, cơ sở vật chất, tài chính) có thể huy động được.

4. Thế nào là Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ?

a. Là quá trình mà cộng đồng (trong đó có nhóm dễ bị tổn thương) chủ động tham gia nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với thiên tai.

b. Là quá trình mà chính quyền chủ động tham gia nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với thiên tai.

c. Là quá trình giảm tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường năng lực của người dân để phòng ngừa, giảm nhẹ và ứng phó với thiên tai.

5. Bình đẳng giới là:

a. Là việc nam giới, phụ nữ phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

b. Là việc nam giới, phụ nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội bình đẳng để phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

c. Là việc nam giới, phụ nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội bình đẳng để phát huy năng lực của mình.

6. Lồng ghép giới trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là:

a. Là sử dụng hợp lý các kinh nghiệm mỗi giới vào quá trình xây dựng, thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá các chính sách, chương trình để phụ nữ và nam giới đều có quyền, trách nhiệm và được hưởng lợi như nhau từ các chính sách và chương trình.

b. Là sử dụng hợp lý các kinh nghiệm mỗi giới vào các chính sách, chương trình.

c. Là phụ nữ và nam giới có quyền, trách nhiệm và được hưởng lợi như nhau từ các chính sách và chương trình.

7. Theo công ước quốc tế, “người khuyết tật” là:

a. Người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận trên cơ thể hoặc suy giảm chức năng như nhìn, nghe, nói và suy nghĩ.

b. Người có bệnh nguy hiểm như tim mạch, đau khớp, động kinh

c. Người có khiếm khuyết trên cơ thể bị những rào cản làm cho họ không thể tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội như những người khác trong cộng đồng.

8. Các loại rào cản làm cho người khuyết tật không thể tham gia hiệu quả và bình đẳng vào các hoạt động xã hội bao gồm:

a. Thông tin, giao tiếp; Suy nghĩ, thái độ

b. Môi trường, vật chất; Chính sách

c. Cả a và b đều đúng

9. Một cuộc họp có sự tham gia là:

- a. Người dân được trình bày ý kiến về vấn đề đang quan tâm
- b. Chính quyền phổ biến các thông tin về bảo lụt để người dân lo chẳng chống nhà cửa.
- c. Người dân được nêu lên ý kiến và bàn bạc với chính quyền cùng ra quyết định cho vấn đề đang thảo luận

II. KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

10. Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là:

- a. Quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân về các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro thiên tai của cộng đồng.
- b. Phân tích những tác động của thiên tai, các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương có thể gây hại cho con người trong khu vực nguy hiểm.
- c. Quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin về thiệt hại sau khi thiên tai xảy ra nhằm rút kinh nghiệm cho địa phương trong công tác phòng, chống thiên tai cho những năm tiếp theo.

11. Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được thực hiện khi nào?

- a. Trước khi lập kế hoạch phòng, chống thiên tai.
- b. Sau khi xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai
- c. Sau khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

12. Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng sử dụng để:

- a. Phân vùng rủi ro thiên tai và theo dõi, giám sát thiên tai.
- b. Áp dụng phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ.
- c. Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

13. Giải pháp phát triển kinh tế xã hội nào dưới đây đã được lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai ?

- a. Xây dựng nhà văn hoá thôn nhằm nâng cao chất lượng tinh thần cho người dân.
- b. Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về phòng chống thiên tai cho các thành viên lập Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.
- c. Xây dựng đường liên thôn kiên cố, an toàn trước thiên tai và thúc đẩy sinh kế cho người dân.
- d. Đáp án b, c

Cảm ơn các anh, chị !

PHỤ LỤC 5
MẪU BỘ CÂU ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC KHOÁ TẬP HUẤN

1. Xin hãy đánh giá các yếu tố dưới đây của khoá tập huấn và đưa ra nhận xét của bạn về từng yếu tố:

	Xuất Sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	Nhận xét
Địa điểm tập huấn						
Tập huấn viên						
Tương tác nhóm						
Tài liệu tập huấn						
Mức độ đáp ứng nhu cầu của bạn						

2. Xin hãy chia sẻ với chúng tôi những suy nghĩ của bạn về khoá tập huấn:

1. Điều gì lợi ích nhất mà bạn học được từ khoá tập huấn này?	
2. Bạn thấy điều gì trong khoá tập huấn này không có lợi ích?	
3. Theo bạn, cần bổ sung thêm nội dung gì vào khoá tập huấn này?	
4. Điều gì trong khoá tập huấn khiến bạn bất ngờ (nếu có)?	
5. Xin hãy nêu ra những ý tưởng để cải thiện chất lượng của khoá tập huấn?	

6. Xin hãy nêu ra những ý tưởng để khoá tập huấn này có thể được thực hiện tại nơi của bạn?	
---	--

Nếu có thêm bất cứ nhận xét nào nữa, xin bạn hãy viết vào phiếu đánh giá này. Những ý kiến đóng góp của bạn sẽ giúp chúng tôi thực hiện khoá tập huấn tốt hơn vào những lần sau.

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO CUỐI KHOÁ TẬP HUẤN

1. Nội dung chung báo cáo cuối khoá tập huấn:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục tiêu khóa tập huấn
2. Địa điểm
3. Thời gian
4. Thành phần tham gia:
 - a. Học viên (Tổng số học viên, trong đó số lượng phân theo nam/nữ và độ tuổi; dạng khuyết tật nếu có học viên là người khuyết tật)
 - b. Tập huấn viên: Danh sách tập huấn viên (Họ tên, học hàm, học vị, chuyên môn và đơn vị công tác)
5. Chương trình tập huấn

II. NỘI DUNG TẬP HUẤN

III. KẾT QUẢ

1. Sự tham gia của học viên
2. Kết quả tập huấn:
 - a. Thay đổi về kiến thức
 - b. Thay đổi về thái độ
 - c. Thay đổi về kỹ năng
3. Công tác tổ chức khoá tập huấn

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

V. PHỤ LỤC:

- Chương trình tập huấn
- Danh sách học viên (Họ tên, đơn vị công tác, giới tính, độ tuổi)
- Bộ câu hỏi trắc nghiệm
- Biểu đồ kết quả đánh giá toàn bộ khoá tập huấn (Tập huấn viên, ban tổ chức)
- Biểu đồ đánh giá kết quả học tập, thay đổi kiến thức của từng học viên

2. Ví dụ báo cáo cuối khoá tập huấn

KHÓA TẬP HUẤN

Kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng



Người viết báo cáo: *(Tên tập huấn viên)*

(Thời gian viết báo cáo)

MỤC LỤC

CHỮ VIẾT TẮT

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục tiêu khóa tập huấn:

- Học viên hiểu, trình bày được các khái niệm cơ bản về QLRRTTDVCD, giới, lồng ghép giới, hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương;
- Hiểu được nội dung và ý nghĩa việc đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai;
- Xác định và trình bày nội dung Đề án 553 hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT, phương án ứng phó theo cấp độ RRTT;
- Xác định và trình mối liên quan và thông tin dữ liệu Đề án 553 hỗ trợ tiêu chí PCTT trong Chương trình MTQG xây dựng NTM;
- Học viên hiểu, trình bày và thực hành được các bước tổ chức buổi tập huấn cho cán bộ xã về phòng chống thiên tai;
- Thảo luận và xây dựng nội dung, kế hoạch tập huấn cho cán bộ của 05 xã.

2. Địa điểm: Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

3. Thời gian: Từ ngày 24-25/08/2023.

4. Thành phần tham gia:

a. Học viên:

- Số lượng học viên tham gia: 30 học viên (17 nam, 13 nữ). Chi tiết tại Phụ lục 1.
- Độ tuổi:
 - + 02 học viên có độ tuổi < 30
 - + 27 học viên có độ tuổi từ 30 – 59
 - + 01 học viên có độ tuổi > 60

b. Giảng viên: (Tên tập huấn viên, đơn vị công tác)

5. Chương trình tập huấn: Chương trình tập huấn chi tiết tại **Phụ lục 2** kèm theo

II. NỘI DUNG TẬP HUẤN:

1. Các khái niệm cơ bản về phòng chống thiên tai, quản lý RRTT DVCD:

a. Nội dung:

- Các khái niệm về quản lý RRTT DVCD, bình đẳng giới và hoà nhập đối tượng DBTT.
- Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

b. Phương pháp:

- Tập huấn viên áp dụng làm việc nhóm nhỏ, phát bộ câu hỏi và nội dung khái niệm để các nhóm cùng nhau ôn tập, thảo luận tìm và ghép đúng nhất tên, nội dung, ví dụ của mỗi khái niệm. Các khái niệm tập trung vào những khái niệm cơ bản, quan trọng nhất liên quan đến đánh giá rủi ro thiên tai, lập kế hoạch PCTT, lồng ghép giới và hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương;

- Sau mỗi khái niệm, tập huấn viên sẽ giải thích ý nghĩa và giúp học viên hiểu rõ bản chất của khái niệm và đề nghị mỗi nhóm lấy ví dụ thực tế tại địa phương;

- Kết hợp các trò chơi nhóm (ghép khái niệm và xây dựng nhà tránh trú an toàn cho người dân đảm bảo an toàn, sạch, xanh và hoà nhập) giúp học viên hiểu rõ hơn về kiến thức, kết nối và tạo không khí vui vẻ cho học viên trong lớp tập huấn.

c. Phát hiện:

- Học viên thực hiện bài tập nhanh và thảo luận sôi nổi theo hướng dẫn của tập huấn viên;

- Một số học viên đã có kinh nghiệm làm về PCTT nhưng còn thiếu kiến thức về QLRRTTDVCD, cụ thể: Rủi ro thiên tai, khuyết tật, sự tham gia của tổ chức trong lập kế hoạch PCTT theo quy định của Luật PCTT, các kiến thức về đánh giá RRTT DVCD;

- Một số khái niệm còn nhầm lẫn và lúng túng trong các nhóm: Rủi ro thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, vai trò giới, nhu cầu giới, khuyết tật;

- Một số tổ chức chưa có kiến thức về hoà nhập đối tượng dễ bị tổn thương và chưa hiểu rõ vai trò giới, nhu cầu giới trong PCTT.

2. Mối liên quan giữa quản lý RRTT DVCD (Đề án 553) với xây dựng kế hoạch PCTT, chương trình mục tiêu nông thôn mới và truyền thông trong PCTT:

a. Nội dung:

- Những điểm mới trong Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”;

- Nội dung kế hoạch phòng chống thiên tai theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ NN&PTNT ban hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT các cấp ở địa phương;

- Mối liên hệ giữa quản lý RRTT DVCD với chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới và kế hoạch PCTT;

- Các khái niệm cơ bản và nguyên tắc đảm bảo truyền thông có sự tham gia.

b. Phương pháp:

Phương pháp kết hợp thuyết trình với trao đổi nhóm lớn nhằm giúp các học viên chia sẻ kinh nghiệm và các hoạt động đã thực hiện tại địa phương trong xây dựng kế hoạch PCTT, chương trình nông thôn mới, đồng thời hiểu rõ hơn chủ trương và định hướng trong công tác PCTT của Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT.

c. Phát hiện:

- Nhiều học viên chưa biết về các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án của Chính phủ đang triển khai tại địa phương (Hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT, đề án 553 của Chính phủ,...);

- Các xã hiện chưa đạt chuẩn nông thôn mới nên chưa có nhiều thông tin và kinh nghiệm trong triển khai chương trình tại địa phương;

- Kế hoạch PCTT của cấp huyện, xã vẫn chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ NN&PTNT.

III. KẾT QUẢ

1. Sự tham gia của học viên:

- Học viên tham gia tích cực trong các hoạt động của khóa tập huấn như phát biểu ý kiến, thảo luận và trình bày hoạt động thảo luận nhóm;

- Tham gia tích cực vào các hoạt động trò chơi kết hợp ôn bài, đồng thời hăng hái phát biểu ý kiến trong quá trình tập huấn.

2. Kết quả tập huấn:

a. Thay đổi về kiến thức:

- Số lượng: **24/30** học viên có đầy đủ bài kiểm tra đầu vào và đầu ra. Bộ câu hỏi tại **Phụ lục 3** kèm theo.

- Sau khóa tập huấn các học viên có sự thay đổi tích cực về kiến thức.

STT	Nội dung	Kết quả đầu vào		Kết quả đầu ra	
		SL	%	SL	%
1	Số học viên trả lời đúng từ 50% câu hỏi trở lên (trên tổng 24 học viên)	16	62%	24	100%
2	Số học viên trả lời đúng từ 70% câu hỏi trở lên (trên tổng 24 học viên)	05	19%	18	69%
3	Số học viên trả lời đúng từ 90% câu hỏi trở lên (trên tổng 24 học viên)	0	0%	01	04%

- Sự thay đổi kiến thức ở các nội dung:

- Quản lý RRTT DVCĐ: Đạt 54-96% (Thay đổi nhiều nhất 50%)
- Nội dung về giới, hoà nhập: Đạt 75-96% (Thay đổi nhiều nhất 71%)
- Nội dung về kế hoạch PCTT, đánh giá RRTT DVCĐ: Đạt 58-88% (Thay đổi nhiều nhất 33%).

(Xem biểu đồ đánh giá kết quả đầu vào và đầu ra tại **Phụ lục 4** đính kèm).

b. Thay đổi về thái độ:

- Trong quá trình tham gia tập huấn, học viên luôn chú ý, tham gia thảo luận nhóm nhiệt tình và đóng góp ý kiến khi các nhóm trình bày kết quả;

- Nhiều học viên (đặc biệt là học viên cấp xã, huyện) thay đổi rõ nét về tính tự tin trước và sau khoá tập huấn, đặc biệt trong hoạt động làm việc nhóm và thảo luận nhóm lớn (Rụt rè, im lặng sau đã nhiệt tình tham gia thảo luận, góp ý kiến);

- Học viên trong lớp đoàn kết, gần gũi với nhau trong các hoạt động của lớp tập huấn;

- Học viên luôn tôn trọng và thực hiện nghiêm túc thời gian học tập, đi học đúng giờ và nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của lớp học.

c. Thay đổi về kỹ năng:

Mặc dù chương trình tập huấn không có nội dung về kỹ năng, tuy nhiên các học viên đã thay đổi sau khi có hướng dẫn của giảng viên, tập huấn viên, cụ thể:

- Tạo không khí thoải mái trong quá trình thảo luận;

- Phương pháp đứng và trình bày;

- Phương pháp làm việc nhóm đảm bảo có sự tương tác của tất cả các nhóm trong khoá tập huấn;

- Trong thảo luận nhóm, các học viên đã được giảng viên, tập huấn viên kiến thức lắng nghe, không ngắt lời hoặc lấn át đối với các học viên mới;

- Tôn trọng ý kiến của học viên cùng nhóm khi thảo luận và chú ý lấy ý kiến của toàn bộ thành viên trong nhóm.

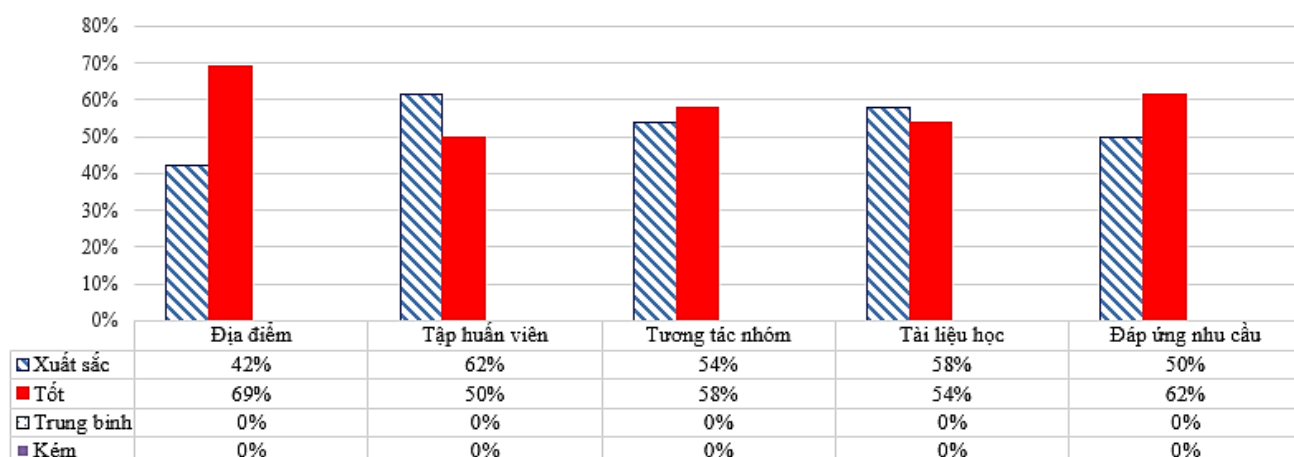
3. Công tác tổ chức khoá tập huấn:

- Các học viên đều đánh giá công tác tổ chức lớp học rất tốt, chu đáo;

- Học viên mong muốn khoá tập huấn tiếp tục được tổ chức với nội dung nâng cao, tổ chức thực hành các kiến thức trong thực tế;

- Mở rộng đối tượng tham gia, đặc biệt là các cán bộ thường xuyên triển khai các hoạt động nâng cao năng lực tại các cấp;

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỚP TẬP HUẤN
Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội phụ nữ huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái
và một số ban ngành liên quan về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
 Yên Bái, 24-25/8/2023



IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

V. CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 - Danh sách học viên

PHỤ LỤC 2 - Chương trình tập huấn

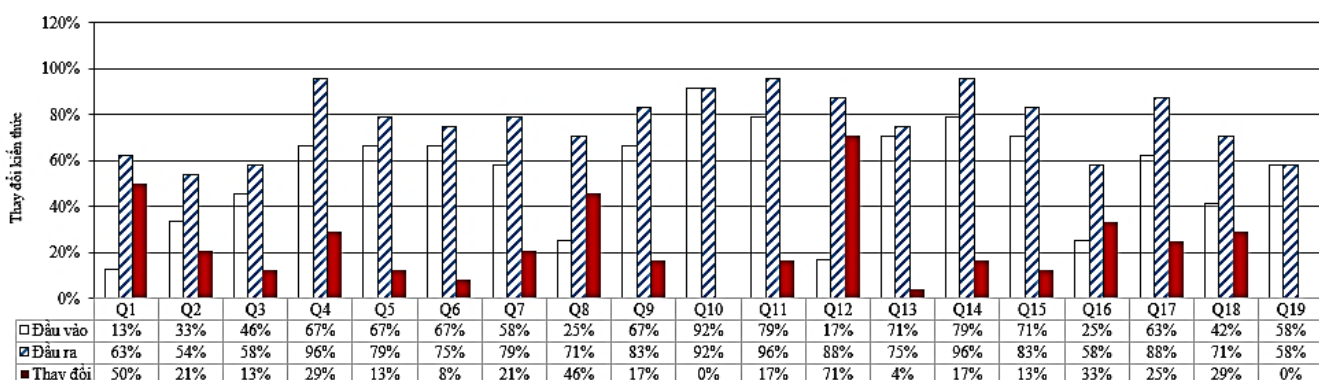
PHỤ LỤC 3 - Bộ câu hỏi kiểm tra đầu vào và kết thúc khoá tập huấn

PHỤ LỤC 4 - Kết quả kiểm tra đầu vào và kết thúc khoá tập huấn

Ví dụ:

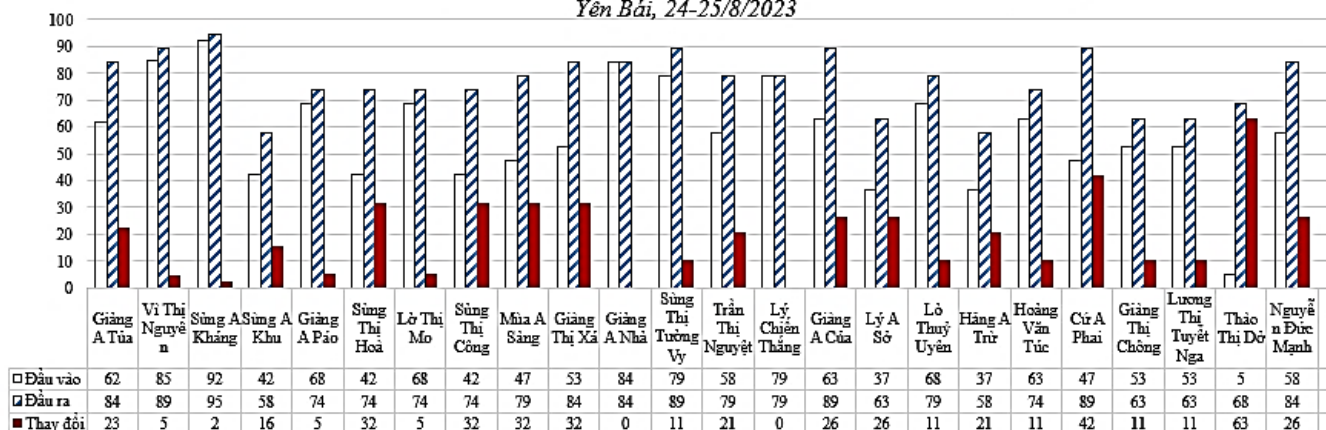
TẬP HUẤN

Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội phụ nữ huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái
và một số ban ngành liên quan về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
Yên Bái, 24-25/8/2023



TẬP HUẤN

Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội phụ nữ huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái
và một số ban ngành liên quan về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
Yên Bái, 24-25/8/2023



PHỤ LỤC 5 – Một số hình ảnh khoá tập huấn

